

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Nga

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mỹ

HẢI PHÒNG - 2012

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU,
CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY LIÊN DOANH
CHẾ TÁC ĐÁ QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Nga

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mỹ

HẢI PHÒNG - 2012

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Nga

Mã SV: 120519

Lớp: QT 1206K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại
công ty Liên doanh chế tác đá quốc tế Thủy Nguyên

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Khái quát hoá được vấn đề lý luận cơ bản về công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

- Về mặt lý luận: Hệ thống được những vấn đề lý luận cơ bản về hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.
- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.
- Các số liệu tính toán phù hợp, logic với dòng chảy của số liệu kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán được lấy tại phòng kế toán công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên

Các số liệu trong bài được lấy từ số liệu năm 2011 của công ty.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.

Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Thị My*

Học hàm, học vị: *Thạc sĩ*

Cơ quan công tác: *Trường Đại học Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ*

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tên đầy đủ
TK	Tài khoản
NVL	Nguyên vật liệu
CCDC	Công cụ dụng cụ
TSCĐ	Tài sản cố định
CP	Chi phí
KKTX	Kê khai thường xuyên
KKĐK	Kiểm kê định kỳ
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
SXKD	Sản xuất kinh doanh
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
GTGT	Giá trị gia tăng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán trong doanh nghiệp - Quyển 1
2. Chế độ kế toán trong doanh nghiệp - Quyển 2
3. Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp – GS.TS.Đặng Thị Loan
4. Khoá luận của khóa trên

MỤC LỤC

<u>LỜI MỞ ĐẦU</u>	1
<u>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT</u>	3
1.1 <u>Tổng quan về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp</u>	3
1.1.1 <u>Khái niệm, vai trò, đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp</u>	3
1.1.2 <u>Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</u>	5
1.1.3 <u>Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp</u>	6
1.1.4 <u>Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</u>	7
1.1.4.1 <u>Phân loại</u>	7
1.1.4.2 <u>Đánh giá NVL, CCDC</u>	8
1.2 <u>Tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp</u>	14
1.2.1 <u>Các chứng từ kế toán có liên quan</u>	14
1.2.2 <u>Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</u>	15
1.2.2.1 <u>Phương pháp ghi thẻ song song</u>	15
1.2.2.2 <u>Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển</u>	17
1.2.2.3 <u>Phương pháp ghi sổ số dư</u>	19
1.2.3 <u>Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ</u>	21
1.2.3.1 <u>Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên</u> ..	22
1.2.3.2 <u>Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ</u>	25
1.2.6 <u>Hình thức tổ chức sổ kế toán</u>	27
<u>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN</u>	31
2.1 <u>Đặc điểm tình hình chung của công ty</u>	31

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

<u>2.1.1</u>	<u>Quá trình hình thành và phát triển của công ty</u>	31
<u>2.1.2</u>	<u>Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên</u>	32
<u>2.1.2.1</u>	<u>Đặc điểm sản phẩm</u>	32
<u>2.1.2.2</u>	<u>Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm</u>	32
<u>2.1.3</u>	<u>Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên</u>	34
<u>2.1.4</u>	<u>Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế thủy Nguyên</u>	36
<u>2.1.4.1</u>	<u>Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên</u>	36
<u>2.1.4.2</u>	<u>Hình thức kế toán ở Công ty</u>	38
<u>2.2</u>	<u>Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên</u>	41
<u>2.2.1</u>	<u>Đặc điểm và cách phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</u>	41
<u>2.2.1.1</u>	<u>Đặc điểm chi phối tới công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty</u>	41
<u>2.2.1.2</u>	<u>Phân loại nguyên vật liệu trong công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên</u>	42
<u>2.2.2</u>	<u>Hạch toán kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên</u>	43
<u>2.2.2.1</u>	<u>Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</u>	43
<u>2.2.2.2</u>	<u>Thủ tục xuất kho</u>	54
<u>2.2.4</u>	<u>Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên</u>	61
<u>2.2.5</u>	<u>Kế toán tổng hợp nhập, xuất kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</u>	71
<u>2.2.5.1</u>	<u>Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</u>	71
<u>2.2.5.2</u>	<u>Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</u>	74

<u>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN</u>	78
<u>3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên</u>	78
<u>3.1.1 Ưu điểm</u>	78
<u>3.1.2 Hạn chế</u>	80
<u>3.1.3 Phương hướng, nhiệm vụ phát triển của công ty trong thời gian tới</u>	81
<u>3.2 Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</u>	82
<u>3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu</u>	82
<u>3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện</u>	83
<u>3.2.3 Yêu cầu hoàn thiện</u>	83
<u>3.3 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</u>	85
<u>KẾT LUẬN</u>	94

LỜI MỞ ĐẦU

Trong quá trình sản xuất kinh doanh nhất là trong cơ chế thị trường hiện nay, để có thể tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để không ngừng hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh, tăng khả năng tích lũy. Do đó, các doanh nghiệp phải thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Cơ chế hạch toán kinh doanh đòi hỏi các doanh nghiệp không những bù đắp được chi phí sản xuất mà phải có lãi. Vì vậy, vấn đề đặt ra là các doanh nghiệp trong quá trình sản xuất phải tính được chi phí sản xuất bỏ ra một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời. Hạch toán chính xác chi phí sản xuất là cơ sở để tính đúng, tính đủ giá thành. Từ đó giúp các doanh nghiệp tìm mọi cách để hạ thấp chi phí sản xuất ở mức tối đa, hạ thấp và tiết kiệm chi phí sản xuất cũng chính là biện pháp để hạ thấp từng yếu tố của quá trình sản xuất như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí tiền lương, chi phí quản lý... để từ đó hạ giá thành sản phẩm.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất, các khoản mục chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Mọi sự biến động về chi phí nguyên vật liệu đều làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm từ đó ảnh hưởng đến chi phí, giá vốn, tác động trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, hạ thấp và tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu là giảm một phần đáng kể chi phí sản xuất. Mặt khác, trong các doanh nghiệp sản xuất vật chất nguyên vật liệu gồm nhiều chủng loại, được cung cấp từ nhiều nguồn khác nhau thường xuyên biến động về số lượng cũng như giá cả. Do đó cần phải có biện pháp theo dõi quản lý từ khâu thu mua vật liệu đến khâu xuất sử dụng cho sản xuất về cả chỉ tiêu số lượng cũng như giá trị, đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra bình thường. Thông qua công tác hạch toán vật liệu sẽ làm cho doanh nghiệp sử dụng vật liệu một cách tốt nhất, tránh lãng phí từ đó giảm chi phí nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm. Vì vậy, bên cạnh vấn đề trọng tâm là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thì tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu cũng là vấn đề đáng được các doanh nghiệp quan tâm hiện nay.

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Tại Công ty Liên doanh Chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên là một doanh nghiệp sản xuất trong ngành chế tác đá với đặc điểm nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm thì việc tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu là biện pháp hữu hiệu nhất để giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho công ty, vì vậy điều tất yếu là công ty phải quan tâm đến khâu hạch toán chi phí nguyên vật liệu.

Nhận thức về tầm quan trọng của vật liệu đối với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị đồng thời qua nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty Liên doanh Chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên, được sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc Công ty, các cán bộ phòng kế toán Công ty, em nhận thấy kế toán vật liệu ở Công ty giữ một vai trò rất quan trọng. Chính vì vậy em đã chọn và đi sâu vào nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá quốc tế Thủy Nguyên”**

Nội dung bài khóa luận của em gồm 3 chương (không kể phần lời mở đầu và phần kết luận)

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 Tổng quan về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm, vai trò, đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

Bất kỳ một xã hội nào muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành quá trình sản xuất, mà quá trình sản xuất muốn tiến hành được phải thông qua 3 yếu tố cơ bản đó là: tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động. Ba yếu tố này có mối quan hệ hữu cơ tác động qua lại tạo ra cơ sở vật chất cho xã hội. Trong đó nguyên vật liệu là đối tượng lao động, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm. Đối tượng lao động ở nguyên vật liệu thể hiện dưới dạng vật hóa như sắt, thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí, xây dựng cơ bản; bông trong các doanh nghiệp dệt, kéo sợi; vải trong các doanh nghiệp may; sản phẩm cây trồng trong các doanh nghiệp chế biến.

Trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm mới nguyên vật liệu đóng một vai trò quan trọng xét trên các mặt sau:

Về mặt giá trị: Dưới tác động của sức lao động cùng tư liệu lao động ở một chu kỳ sản xuất nguyên vật liệu sẽ chuyển dịch một lần toàn bộ chi phí sản xuất dưới dạng chi phí tiêu hao để thành giá trị sản phẩm mới mang đầy đủ chức năng vốn có của sản phẩm đó là: chất lượng, mẫu mã, giá trị, giá trị sử dụng, giá trị thương mại. Hơn nữa chi phí nguyên vật liệu còn là một trong ba chi phí cơ bản quan trọng để tính giá thành sản phẩm (theo khoản mục). Vì vậy có giảm được chi phí nguyên vật liệu mới giảm chi phí sản xuất kinh doanh từ đó hạ giá thành sản phẩm (trong trường hợp không làm thay đổi chất lượng sản phẩm) bằng việc tổ chức quản lý sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu mới đem lại lợi nhuận cao, tăng tích lũy và đạt hiệu quả cao nhất.

Về vốn của doanh nghiệp: Chi phí nguyên vật liệu là thành phần quan trọng của vốn lưu động trong doanh nghiệp đặc biệt là vốn dự trữ. Trong đó nguyên vật liệu nằm trong khâu dự trữ sản xuất của vốn lưu động. Do đó cần quản lý sử dụng tốt nguyên vật liệu mới góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, tránh ứ đọng sử dụng lãng phí.

Từ vị trí, vai trò, đặc điểm của nguyên vật liệu ta thấy việc tổ chức quản lý, sử dụng tốt NVL là rất cần thiết, bổ ích cho tất cả các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất. Do vậy trong quá trình sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ NVL ở tất cả các khâu thu mua, vận chuyển, bảo quản đến khâu sử dụng và dự trữ.

a) Khái niệm

Khái niệm nguyên vật liệu: Vật liệu là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc do doanh nghiệp chế biến cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Khái niệm công cụ dụng cụ: CCDC là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng theo quy định để được coi là TSCĐ, vì vậy CCDC được quản lý và kế toán như các loại nguyên liệu vật liệu.

b) Đặc điểm

➤ Đặc điểm nguyên vật liệu: Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và trong chu kỳ sản xuất đó nguyên vật liệu bị hao mòn toàn bộ hoặc bị biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành thực tế sản phẩm. Về mặt giá trị nó chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định, nên khi tham gia vào quá trình sản xuất giá trị của nó được tính hết một lần vào giá trị sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do đặc điểm này mà nguyên vật liệu được xếp vào loại tài sản lưu động trong doanh nghiệp.

➤ Đặc điểm công cụ dụng cụ: Mặc dù được quản lý nhưng kế toán CCDC có những đặc điểm giống TSCĐ vì đều là tư liệu lao động. Đó là có thể tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, trong quá trình sử dụng chúng giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và chuyển dần từng bộ phận giá trị hao mòn vào chi phí sản

xuất kinh doanh trong kỳ, kế toán phải sử dụng các phương pháp: phương pháp phân bổ một lần, phương pháp phân bổ nhiều lần.

c) Vai trò của nguyên vật liệu, CCDC trong sản xuất

Trong các doanh nghiệp sản xuất vật chất, chi phí cho các đối tượng lao động thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí, cơ cấu giá thành sản phẩm và là một bộ phận sản xuất dự trữ quan trọng nhất của doanh nghiệp. Như vậy, xét về mọi mặt ta thấy vị trí của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đối với quá trình sản xuất có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Việc cung cấp NVL, CCDC có kịp thời, đầy đủ hay không sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp. Sẽ không thể tiến hành sản xuất nếu không có đủ NVL, CCDC. Nhưng khi đã có đầy đủ NVL, CCDC thì sản xuất có đạt yêu cầu hay không? Sản phẩm làm ra có cạnh tranh được hay không? Để đạt được điều này thì phải phụ thuộc vào chất lượng các NVL, CCDC đó. Ngoài ra chi phí NVL, CCDC cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự biến động của giá thành, chỉ cần chi phí tăng hay giảm 1% cũng đã làm cho giá thành biến động. Điều này ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

a) Nhiệm vụ

Tổ chức ghi chép phản ánh tập hợp số liệu về tình hình thu mua vận chuyển nhập – xuất – tồn kho NVL, CCDC, tính giá thực tế NVL thu mua và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cung ứng NVL, CCDC về số lượng, chất lượng mặt hàng.

Hướng dẫn kiểm tra các phân xưởng, các kho và phòng ban thực hiện các chứng từ ghi chép ban đầu về nguyên vật liệu, mở sổ sách kế toán vật liệu và CCDC theo đúng chế độ và đúng phương pháp kế toán.

Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản Nhập xuất NVL và CCDC, định mức dự trữ, định mức tiêu hao, phát hiện và đề xuất biện pháp xử lý vật liệu thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất, xác định số lượng và giá trị NVL; CCDC tiêu hao phân bổ chính xác chi phí này cho các đối tượng sử dụng.

Tham gia công tác kiểm kê, đánh giá vật liệu, lập các báo cáo về vật liệu và phân tích tình hình thu mua bảo quản dự trữ và sử dụng vật liệu

b) Tác dụng

Tổ chức công tác kiểm tra NVL, CCDC kịp thời, đầy đủ, chính xác và nghiêm túc là cơ sở cung cấp số liệu cho việc hạch toán giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp.

Nhờ có công tác hạch toán NVL, CCDC mà doanh nghiệp biết được tình hình sử dụng NVL, CCDC rồi từ đó có biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Hạch toán NVL, CCDC cung cấp những thông tin hữu ích, giúp cho doanh nghiệp có kế hoạch thu mua, dự trữ tránh tình trạng làm gián đoạn quá trình sản xuất.

1.1.3 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

NVL và CCDC là yếu tố không thể thiếu được đối với quá trình sản xuất. Do vậy việc cung cấp NVL đầy đủ, thường xuyên liên tục và sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh ổn định đạt kết quả cao. Muốn được như thế thì công tác quản lý NVL phải đảm bảo yêu cầu ở các khâu (thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng)

NVL là tài sản dự trữ sản xuất thường xuyên biến động. Các doanh nghiệp phải tiến hành thường xuyên mua NVL để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và phục vụ cho nhu cầu quản lý khác của doanh nghiệp. Trong khâu thu mua đòi hỏi phải quản lý việc thực hiện kế hoạch mua hàng về khối lượng, số lượng, chất lượng, quy cách chủng loại, giá mua và chi phí mua, thực hiện kế hoạch mua theo đúng tiến độ thời gian phù hợp với tiến độ SXKD của doanh nghiệp

Ở khâu bảo quản phải tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện đo lường cần thiết, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại NVL, tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt, đảm bảo an toàn tài sản.

Sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức và dự toán chi phí nhằm tiết kiệm chi phí NVL, CCDC; điều đó có ý nghĩa to lớn trong việc hạ thấp chi phí sản xuất giá thành sản phẩm, tăng thu nhập tích lũy cho doanh nghiệp. Do vậy trong khâu sử dụng cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng NVL, CCDC

Trong khâu dự trữ, đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được định mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh ổn định không bị ngừng trệ, gián đoạn do việc cung ứng không kịp thời hoặc gây tình trạng ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

1.1.4 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.1.4.1 Phân loại

a) Phân loại nguyên vật liệu

Tùy theo loại hình doanh nghiệp cụ thể mà vật liệu trong các doanh nghiệp có sự phân chia khác nhau theo từng tiêu thức nhất định. Việc phân loại NVL chính xác giúp cho doanh nghiệp xác định được tầm quan trọng của từng loại NVL, từ đó có kế hoạch phản ánh đúng về mặt giá trị đối với từng loại NVL. Dưới nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau, tùy theo yêu cầu và trình độ quản lý mà có thể phân loại theo nguồn hình thành (sử dụng tiêu thức mua ngoài hay tự sản xuất), phân loại theo quyền sở hữu, phân loại theo nguồn tài trợ, phân loại theo tính năng lý hóa, theo quy cách phẩm chất, theo mục đích và nơi sử dụng. Nhưng trên thực tế cách phân loại thông dụng nhất là dựa vào vai trò, công dụng của NVL trong sản xuất. Theo cách phân loại này NVL được chia thành:

Vật liệu chính (Bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài): Là đối tượng lao động chủ yếu trong doanh nghiệp, là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên thực thể sản phẩm mới như sắt thép trong công nghiệp cơ khí, bông trong công nghiệp kéo sợi, gạch; ngói; xi măng trong công nghiệp xây dựng cơ bản...bán thành phẩm mua ngoài kế toán cũng phản ánh vào NVL.

Vật liệu phụ: Cũng là đối tượng lao động nhưng vật liệu phụ không phải là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm mới. Vật liệu phụ có vai trò trong quá trình SXKD, được tiến hành bình thường phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật công nghệ quản lý như dầu mỡ bôi trơn, máy móc trong sản xuất

Nhiên liệu: Có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình SXKD. Nhiên liệu gồm có: xăng, dầu mỡ, than, củi....

Phụ tùng thay thế sửa chữa: Là những chi tiết phụ tùng, máy móc thiết bị mà doanh nghiệp mua sắm dự trữ phục vụ cho việc sửa chữa máy móc thiết bị.

Phế liệu: Là những vật liệu loại ra trong quá trình sản xuất, phế liệu đã mất hết hoặc mất một phần lớn giá trị sử dụng ban đầu như sắt thép vụn, gạch; ngói; đá vỡ....

Vật liệu khác: Là các vật liệu không được xếp vào các loại kể trên, các vật liệu này do quá trình sản xuất loại ra, phế liệu thu hồi từ việc thanh lý TSCĐ.

Như vậy: Căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng NVL thì toàn bộ NVL trong doanh nghiệp được chia thành NVL dùng trực tiếp vào quá trình SXKD và NVL dùng cho quá trình khác như quản lý doanh nghiệp, quản lý phân xưởng, tiêu thụ sản phẩm.

b) Phân loại công cụ dụng cụ

Theo quy định hiện hành những tư liệu lao động sau đây không phân biệt giá trị và thời gian sử dụng vẫn được coi là công cụ dụng cụ.

Các loại bao bì dùng để đựng NVL, hàng hóa trong quá trình thu mua, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm

Những dụng cụ, đồ nghề bằng thủy tinh, sành sứ, giấy dếp chuyên dùng để làm việc.

Các lán trại tạm thời, cốp pha dùng trong xây dựng cơ bản....

Các loại CCDC khác

1.1.4.2 Đánh giá NVL, CCDC

Đánh giá vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị vật liệu theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực thống nhất. Về nguyên tắc NVL nằm trong giá thành sản phẩm đồng thời nó còn thuộc tài sản lưu động nằm trong bảng cân đối kế toán. Vì vậy phải đánh giá NVL chính xác để đảm bảo tính chính xác của giá thành và thông tin trên bảng cân đối kế toán, NVL được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo theo một nguyên tắc cơ bản đánh giá theo giá trị vốn thực tế. Nghĩa là khi nhập kho phải tính theo giá trị vật liệu thực tế nhập. Khi xuất kho cũng phải xác định trị giá thực tế xuất kho theo phương pháp quy định.

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Tuy nhiên do đặc điểm loại hình sản xuất kinh doanh, quy mô sản xuất của các doanh nghiệp giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày có thể sử dụng giá hạch toán.

Nguyên tắc chung để hạch toán nguyên vật liệu nhập – xuất – tồn kho phải theo giá thực tế của các loại vật liệu.

Giá thực tế sẽ bằng giá hạch toán trên hóa đơn cộng với chi phí vận chuyển bốc dỡ và thuế phải nộp (nếu có)

Đánh giá NVL, CCDC cần tuân thủ nhưng nguyên tắc:

Nguyên tắc giá gốc: Chuẩn mực 02 – Hàng tồn kho: Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu, là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được nguyên vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Nguyên tắc nhất quán: Nhất quán ở cách đánh giá nguyên vật liệu, CCDC; nhất quán ở các kỳ kế toán.

Nguyên tắc thận trọng: Lập dự phòng: Nguyên vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc trọng yếu: Ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Đánh giá NVL, CCDC theo giá gốc

Đối với NVL, CCDC nhập kho

Giá thực tế của NVL, CCDC nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập.

Đối với NVL, CCDC nhập kho do mua ngoài: Trị giá vốn thực tế nhập kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt), chi phí vận chuyển bốc xếp, chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua vật tư, trừ đi các khoản CKTM, GGHB (nếu có).

$$\begin{array}{l} \text{Giá gốc NVL,} \\ \text{CCDC mua} \\ \text{ngoài nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi trên} \\ \text{hóa đơn trừ} \\ \text{CKTM, GGHB} \\ \text{(nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các loại thuế} \\ \text{không hoàn lại} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí liên} \\ \text{quan trực tiếp} \end{array}$$

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Giá gốc NVL, giá thực tế trường hợp NVL, CCDC mua vào để sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua là giá chưa thuế GTGT.

Trường hợp NVL, CCDC mua vào sử dụng cho các đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, các dự án thì giá mua là giá bao gồm cả thuế (tổng giá thanh toán)

Đối với NVL, CCDC nhập kho tự sản xuất. Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá thành sản xuất của vật tư tự gia công chế biến.

$$\text{NVL, CCDC tự chế nhập kho} = \text{NVL, CCDC xuất chế biến} + \text{Chi phí chế biến}$$

Chi phí chế biến bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như: Chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định, chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chế biến NVL, CCDC

Đối với NVL, CCDC nhập kho do nhận vốn góp liên doanh vốn góp cổ phần hoặc thu hồi vốn góp theo giá trị được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp nhận.

Đối với NVL nhập kho do được cấp:

$$\text{Giá gốc NVL, CCDC được cấp nhập kho} = \text{Giá ghi trên sổ của đơn vị cấp trên hoặc giá đánh giá lại theo giá trị thuần} + \text{CP vận chuyển, bốc dỡ, CP có liên quan trực tiếp khác}$$

Đối với NVL, CCDC nhập kho do được biếu tặng, tài trợ:

$$\text{Giá gốc NVL, CCDC nhận biếu tặng nhập kho} = \text{Giá trị hợp lý ban đầu của những NVL, CCDC tương đương} + \text{CP khác có liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận}$$

Đối với NVL, CCDC xuất kho

Do giá gốc NVL, CCDC nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó khi xuất kho tùy thuộc vào đặc điểm, yêu cầu hoạt động, trình độ quản lý và điều kiện trang bị phương tiện kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp mà lựa chọn một trong các phương pháp sau để xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho:

Phương pháp tính theo giá đích danh

Theo phương pháp này khi xuất kho NVL thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho. Được áp dụng với các doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá vốn thực tế của NVL xuất kho được tính căn cứ vào số lượng xuất kho trong kỳ và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức

$$\text{Giá thực tế xuất kho} = \text{Số lượng xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Tính theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ (còn gọi là giá bình quân gia quyền toàn bộ luân chuyển trong kỳ)

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL, CCDC tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế NVL, CCDC nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL, CCDC tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL, CCDC nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân gia quyền có ưu điểm là giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết NVL so với phương pháp Nhập trước - Xuất trước và Nhập sau - Xuất trước, không phụ thuộc vào số lần nhập, xuất của từng danh điểm NVL. Nhược điểm của phương pháp này dồn công việc tính giá NVL xuất kho vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác, đồng thời sử dụng phương pháp này cũng phải tiến hành tính giá theo từng danh điểm NVL.

Tính theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (hay còn gọi là bình quân gia quyền liên hoàn)

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập, kế toán phải xác định giá bình quân của từng danh điểm NVL. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng NVL xuất kho giữa hai lần nhập kế tiếp để kế toán xác định giá thực tế NVL xuất kho.

$$\begin{array}{rcc} & \text{Giá trị thực tế NVL,} & \text{Giá trị thực tế nhập} \\ & \text{CCDC tồn kho} & \text{kho của từng} \\ & \text{trước khi nhập} & \text{lần nhập} \\ \text{Đơn giá NVL,} & + & \\ \text{CCDC bình quân} & & \\ \text{gia quyền sau mỗi} & = & \\ \text{lần nhập} & \frac{\text{Số lượng NVL,}}{\text{CCDC tồn kho}} & \frac{\text{Số lượng NVL,}}{\text{CCDC nhập kho}} \\ & \text{trước khi nhập} & \text{của mỗi lần nhập} \end{array}$$

Phương pháp này cho phép kế toán tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời nhưng khối lượng công việc tính toán nhiều và phải tiến hành tính giá theo từng danh điểm NVL.

Phương pháp này chỉ sử dụng được ở những doanh nghiệp có ít danh điểm NVL và số lần nhập của mỗi loại không nhiều.

Theo phương pháp nhập trước – xuất trước

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là số hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho tại thời điểm đầu kỳ hoặc gần thời điểm đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần thời điểm cuối kỳ tồn kho.

Ưu điểm của phương pháp Nhập trước - xuất trước là khi giá cả vật liệu có xu hướng tăng thì doanh nghiệp sẽ có mức lãi nhiều hơn so với những phương pháp khác.

Nhược điểm của phương pháp Nhập trước - Xuất trước là phải tính giá theo từng danh điểm NVL và phải hạch toán chi tiết NVL tồn kho theo từng loại giá nên tốn nhiều công sức. Ngoài ra phương pháp này làm cho chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NVL.

Phương pháp Nhập trước - xuất trước chỉ thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

Theo phương pháp nhập sau - xuất trước

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào được mua sau hoặc sản xuất sau sẽ được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Về cơ bản ưu, nhược điểm và điều kiện vận dụng của phương pháp Nhập sau - Xuất trước cũng giống như phương pháp nhập trước - Xuất trước, nhưng sử dụng phương pháp Nhập sau - Xuất trước giúp cho chi phí kinh doanh của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NVL.

Đánh giá NVL, CCDC theo giá hạch toán

Đối với những doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất nhiều mặt hàng, hoạt động nhập – xuất NVL diễn ra thường xuyên liên tục, nếu áp dụng tính theo giá gốc thì rất phức tạp. Doanh nghiệp có thể xây dựng hệ thống giá hạch toán để ghi chép hàng ngày trên phiếu nhập, phiếu xuất và ghi sổ kế toán chi tiết NVL, CCDC. Giá hạch toán là giá do kế toán doanh nghiệp tự xây dựng, có thể là giá kế hoạch hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được trên thị trường và được sử dụng thống nhất ở doanh nghiệp trong một thời gian dài. Việc xuất kho hàng ngày được thực hiện theo giá hạch toán, đến cuối kỳ kế toán tính ra giá thực tế để ghi sổ kế toán tổng hợp. Để tính được giá thực tế trước hết phải tính hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL, CCDC

$$\text{Hệ số chênh lệch giá} = \frac{\text{Giá trị NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế NVL, CCDC nhập trong kỳ}}{\text{Giá trị hạch toán NVL, CCDC tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hạch toán NVL, CCDC nhập trong kỳ}}$$

Trị giá của NVL, CCDC xuất kho được tính bằng:

$$\text{Giá trị thực tế NVL, CCDC xuất kho} = \text{Giá trị hạch toán NVL, CCDC xuất kho} \times \text{Hệ số giá chênh lệch}$$

Phương pháp hệ số giá cho phép kết hợp chặt chẽ hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp về NVL trong công tác tính giá, nên công việc tính giá được tiến hành nhanh chóng và không bị phụ thuộc vào số lượng danh điểm NVL, số lần nhập, xuất của mỗi loại nhiều hay ít.

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại NVL và đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn cao.

1.2 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

1.2.1 Các chứng từ kế toán có liên quan

Kế toán chi tiết NVL là việc kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập – xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu về số lượng và giá trị.

Các doanh nghiệp cần tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp để góp phần tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu.

Chứng từ kế toán sử dụng:

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến nghiệp vụ nhập – xuất NVL đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định.

Hệ thống chứng từ kế toán về nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp có quy mô lớn được áp dụng theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy mô vừa và nhỏ được áp dụng theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán chủ yếu liên quan đến kế toán nguyên vật liệu gồm:

Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)

Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)

Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03-VT)

Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 08-VT)

Hóa đơn GTGT

Hóa đơn cước vận chuyển

Hóa đơn bán hàng

Đối với các chứng từ này phải lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung, phương pháp lập, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh.

Ngoài ra các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ hướng dẫn:

Phiếu xuất vật tư theo hạn mức

Biên bản kiểm nghiệm

Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ

Mọi chứng từ kế toán phải được tổ chức luân chuyển theo đúng trình tự và thời gian hợp lý do kế toán trưởng ở đơn vị quy định nhằm phục vụ cho việc ghi chép, tổng hợp và cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ cho các cá nhân, bộ phận liên quan.

Các sổ kế toán sử dụng cho kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Tùy theo mỗi đơn vị sử dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu mà sử dụng các loại sổ kế toán khác nhau như: Sổ (thẻ) kho; Sổ đối chiếu luân chuyển, Sổ số dư. Ngoài các sổ kế toán nói trên còn có thể mở thêm các bảng kê nhập, bảng kê xuất, bảng kê lũy kế nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu nhằm phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu được đơn giản nhanh chóng.

1.2.2 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp, yêu cầu quản lý của từng đơn vị mà có thể sử dụng một trong các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu sau đây:

1.2.2.1 Phương pháp ghi thẻ song song

Nội dung của phương pháp thẻ song song

Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập – xuất – tồn kho của từng thứ nguyên vật liệu theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập – xuất nguyên vật liệu thủ kho kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của chứng từ rồi ghi số thực nhập, thực xuất lên các chứng từ đó và vào thẻ

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

kho. Cuối ngày tính ra số tồn kho và ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ, thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất đã được phân loại theo từng thứ nguyên vật liệu lên phòng kế toán.

Tại phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn từng thứ nguyên vật liệu theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất do thủ kho gửi lên, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh chứng từ, căn cứ vào các chứng từ đó để ghi vào các sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cuối tháng, kế toán lập bảng kê nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu, sau đó đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu với thẻ kho; giữa bảng kê nhập, xuất, tồn với sổ cái 152; giữa số liệu của sổ kế toán chi tiết với số kiểm kê thực tế.

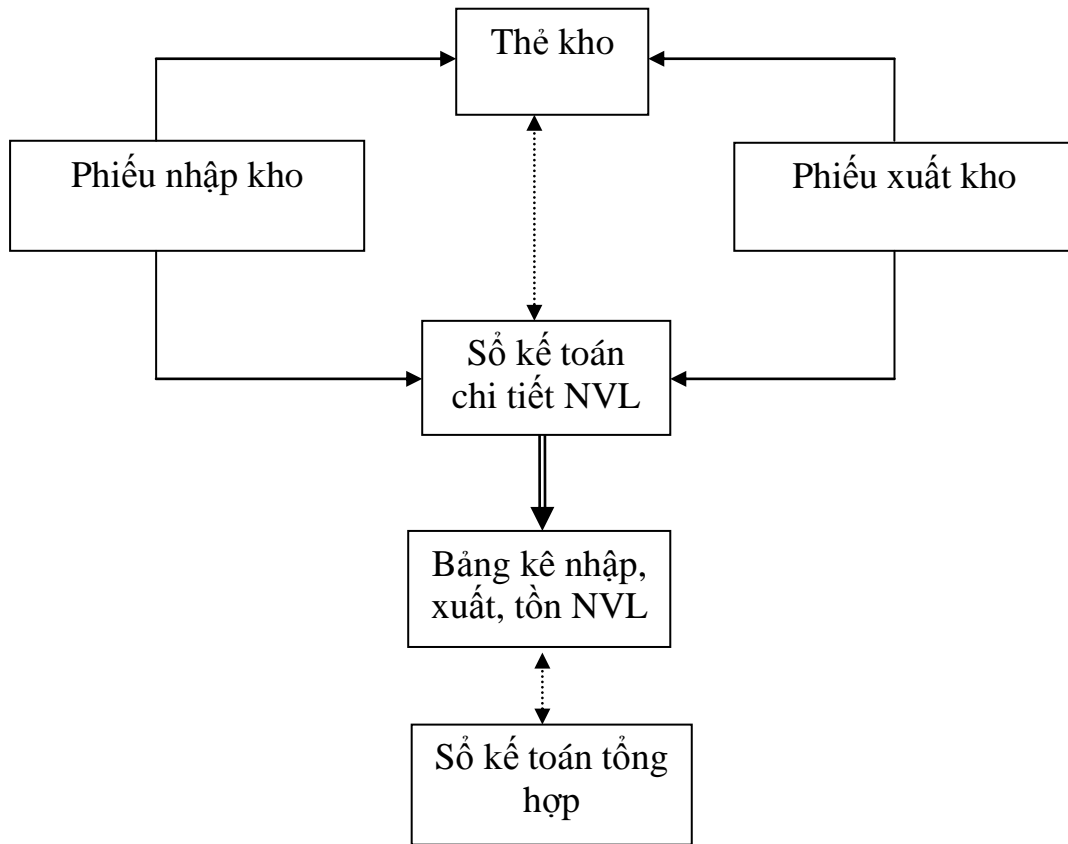
Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ hiểu, dễ kiểm tra, đối chiếu với số liệu và phát hiện sai sót. Đồng thời đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin kế toán.

Nhược điểm: Ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng. Mặt khác việc kiểm tra đối chiếu thường tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

Phạm vi áp dụng: Đối với doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, khối lượng nghiệp vụ xuất ít, không thường xuyên, trình độ kế toán hạn chế.

Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song được khái quát bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←.....→ Đối chiếu

1.2.2.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Nội dung của phương pháp này là:

Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép giống như trường hợp phương pháp thẻ song song.

Tại phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép cho từng thứ nguyên vật liệu theo cả hai chỉ tiêu: số lượng và giá trị. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở cho cả năm và được ghi chép vào cuối tháng, mỗi thứ nguyên vật liệu được ghi một dòng trên sổ.

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập xuất kho kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó tiến hành phân loại chứng từ theo từng thứ nguyên vật liệu, chứng từ nhập riêng, chứng từ xuất riêng hoặc kế toán có thể lập Bảng kê nhập, Bảng kê xuất. Cuối tháng tổng hợp từ các chứng từ hoặc từ các bảng kê để ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Việc đối chiếu được tiến hành giống như phương pháp thẻ song song (nhưng tiến hành vào cuối tháng).

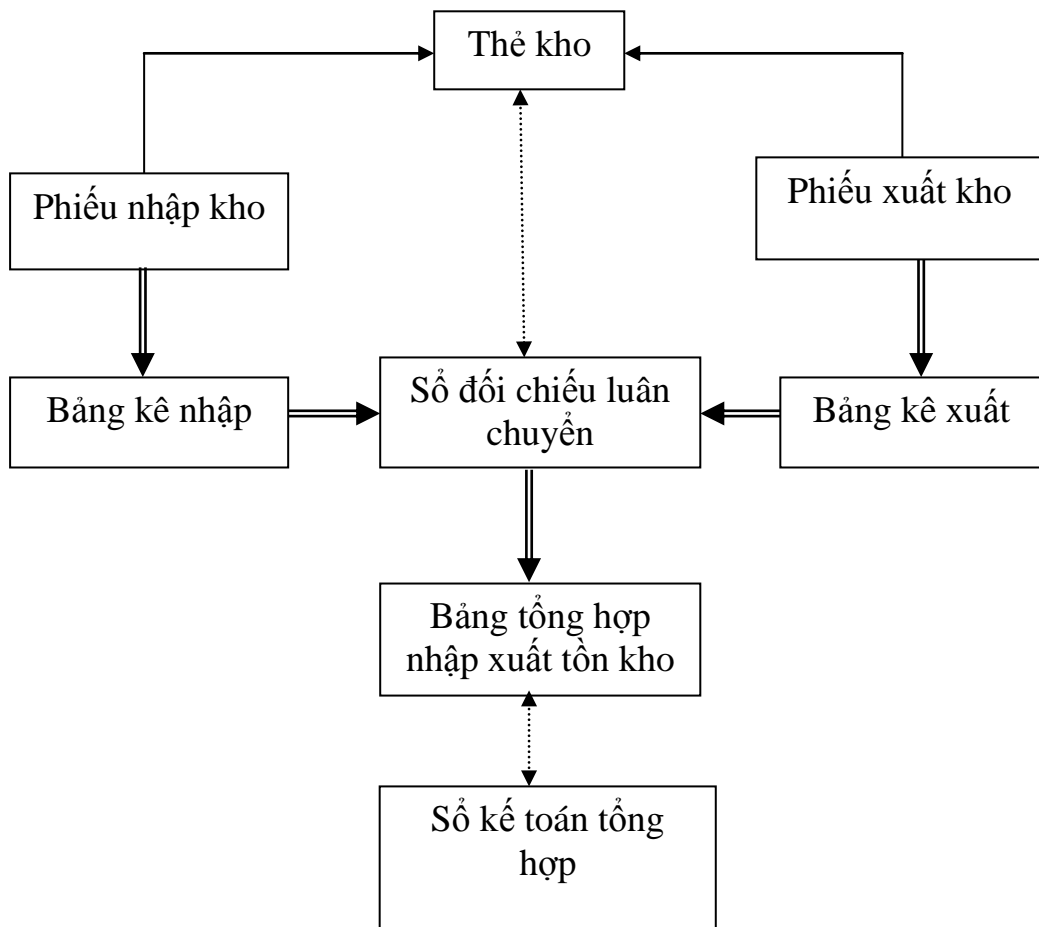
Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối kỳ

Nhược điểm: Phương pháp này vẫn còn ghi sổ trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

Phạm vi áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày. Phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

Trình tự ghi sổ được khái quát bằng sơ đồ sau đây:

Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ⇔ Đối chiếu

1.2.2.3 Phương pháp ghi sổ số dư

Trình tự kế toán chi tiết:

Tại kho: Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép giống như hai phương pháp: thẻ song song và phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển. Đồng thời, cuối tháng thủ kho còn ghi vào sổ số dư số lượng tồn kho cuối tháng của từng thứ nguyên vật liệu. Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho và được mở cho cả năm. Trên sổ số dư nguyên vật liệu được xếp theo thứ, nhóm, loại, sau mỗi nhóm có dòng cộng nhóm, cộng loại. Cuối tháng sổ số dư được chuyển cho thủ kho ghi chép.

Tại phòng kế toán: Kế toán định kỳ xuống kho kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và trực tiếp nhận các chứng từ nhập - xuất nguyên vật liệu. Sau đó, ký vào từng thẻ kho và ký vào phiếu giao nhận chứng từ. Ở phòng kế toán, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ và tổng hợp giá trị (giá hạch toán) theo từng nhóm, loại nguyên vật liệu để ghi vào cột “số tiền” trên phiếu giao nhận chứng từ, số liệu này được ghi vào bảng kê lũy kế nhập và bảng kê lũy kế xuất.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê lũy kế nhập, bảng kê lũy kế xuất để cộng tổng số tiền theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào bảng kê nhập xuất tồn. Đồng thời sau khi nhận được sổ số dư do thủ kho chuyển lên, kế toán căn cứ vào cột số dư về số lượng và đơn giá hạch toán của từng nhóm nguyên vật liệu để tính ra số tiền ghi vào cột số dư bằng tiền. Kế toán đối chiếu số liệu trên cột số dư bằng tiền của sổ số dư với cột trên sổ nhập - xuất - tồn, đối chiếu số lượng trên bảng kê nhập - xuất - tồn với số liệu trên sổ cái TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu.

Ưu điểm: Giám sát được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi chỉ tiêu tiền của nguyên vật liệu theo nhóm và theo loại. Kế toán thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên đối với ghi chép của thủ kho trên thẻ kho và kiểm tra thường xuyên việc bảo quản nguyên vật liệu trong kho của thủ kho. Công việc dàn trải đều trong tháng nên đảm bảo cung cấp kịp thời các số liệu cần thiết cho quản trị vật tư, hàng hoá vật tư nói chung và nguyên vật liệu nói riêng.

Nhược điểm: Do kế toán chỉ ghi chỉ tiêu tiền của từng nhóm, loại nguyên vật liệu nên để có được thông tin nhập - xuất - tồn của thứ nguyên vật liệu nào đó phải căn cứ vào số liệu trên thẻ kho.

Khi lập các báo cáo tuần, kỳ về nguyên vật liệu phải căn cứ vào các số liệu trực tiếp trên thẻ kho. Khi kiểm tra đối chiếu số liệu nếu phát hiện không khớp đúng giữa số liệu trên sổ số dư với số liệu tương ứng trên bảng nhập - xuất - tồn thì việc tìm kiếm tra cứu sẽ rất phức tạp.

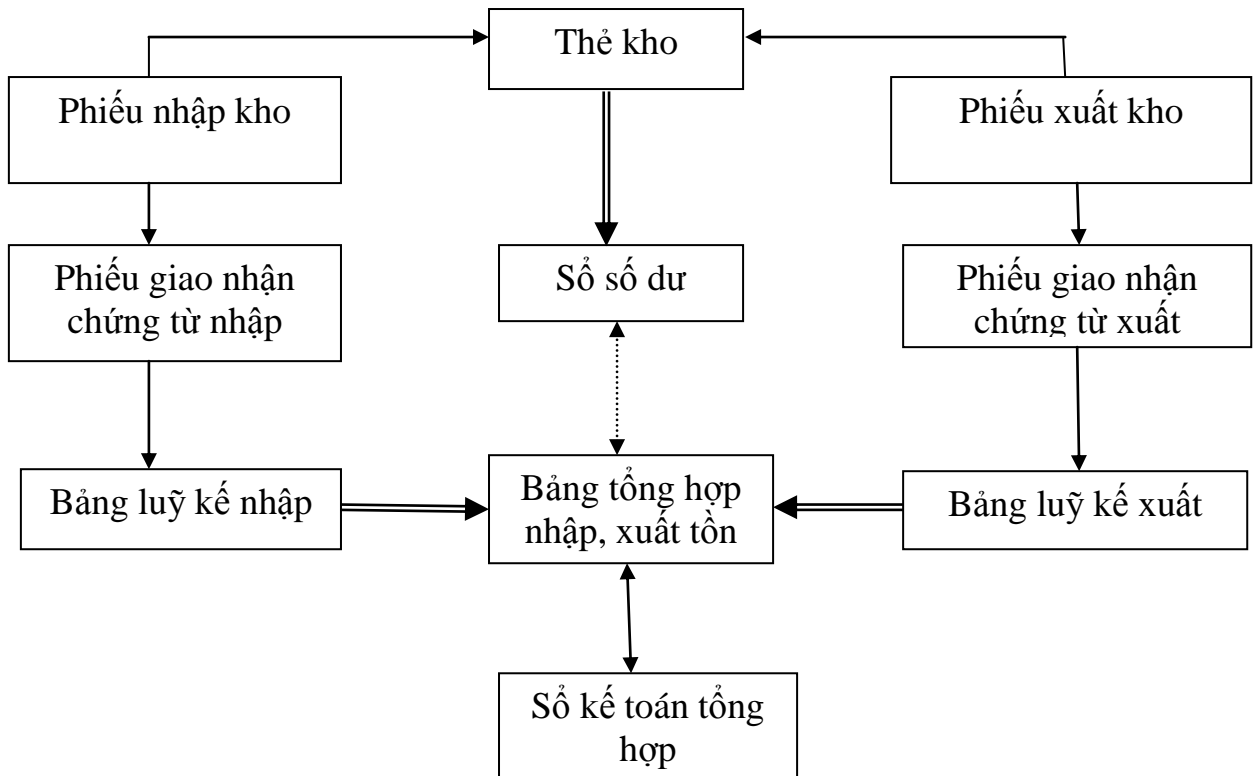
Phạm vi áp dụng: Nên áp dụng trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại nguyên vật liệu, tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thường xuyên.

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết vật tư và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư hợp lý.

Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ số dư được khái quát bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ số dư:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ←----- Ghi đối chiếu
- ====> Ghi cuối tháng

1.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp và được nhập - xuất kho thường xuyên, tuy nhiên tùy theo đặc điểm nguyên vật liệu của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp có phương thức kiểm kê khác nhau. Có doanh nghiệp kiểm kê theo từng nghiệp vụ nhập, xuất kho (mỗi lần nhập, xuất kho đều có cân đong, đo, đếm) nhưng cũng có những doanh nghiệp chỉ kiểm kê một lần vào thời

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

điểm cuối kỳ bằng cách cân, đo, đong, đếm, ước lượng nguyên vật liệu tồn cuối kỳ. Tương ứng với hai phương thức kiểm kê trên, trong kế toán nguyên vật liệu nói riêng và kế toán các loại hàng tồn kho nói chung có hai phương pháp hạch toán tổng hợp là KKTX và KKĐK.

1.2.3.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp KKTX là phương pháp theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập - xuất - tồn kho vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán.

Trong trường hợp áp dụng phương pháp KKTX thì các tài khoản hàng tồn kho nói chung và tài khoản NVL nói riêng được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của vật tư, hàng hoá. Vì vậy, giá trị vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán có thể xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

Cuối kỳ hạch toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế vật tư, hàng hoá tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu tồn trên sổ kế toán để xác định số lượng vật tư thừa, thiếu và truy tìm nguyên nhân để có biện pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp KKTX áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh mặt hàng có giá trị lớn

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”, tài khoản 153 “Công cụ dụng cụ”

Tài khoản này dùng để ghi chép số hiện có và tình hình tăng giảm nguyên vật liệu theo giá thực tế. Kết cấu của tài khoản 152:

Bên Nợ:

Giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, nhận góp vốn liên doanh, được cấp hoặc nhập từ các nguồn khác.

Trị giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thừa khi kiểm kê.

Bên Có:

Giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho để sản xuất, để bán, để thuê ngoài gia công chế biến, hoặc góp vốn đầu tư.

Trị giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được giảm giá hoặc trả lại người bán

Trị giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Dư nợ: Giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho

Tài khoản 152 có thể mở thành các tài khoản cấp 2 để kế toán chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ vật liệu tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, thông thường các doanh nghiệp chi tiết tài khoản này theo vai trò và công dụng của nguyên vật liệu.

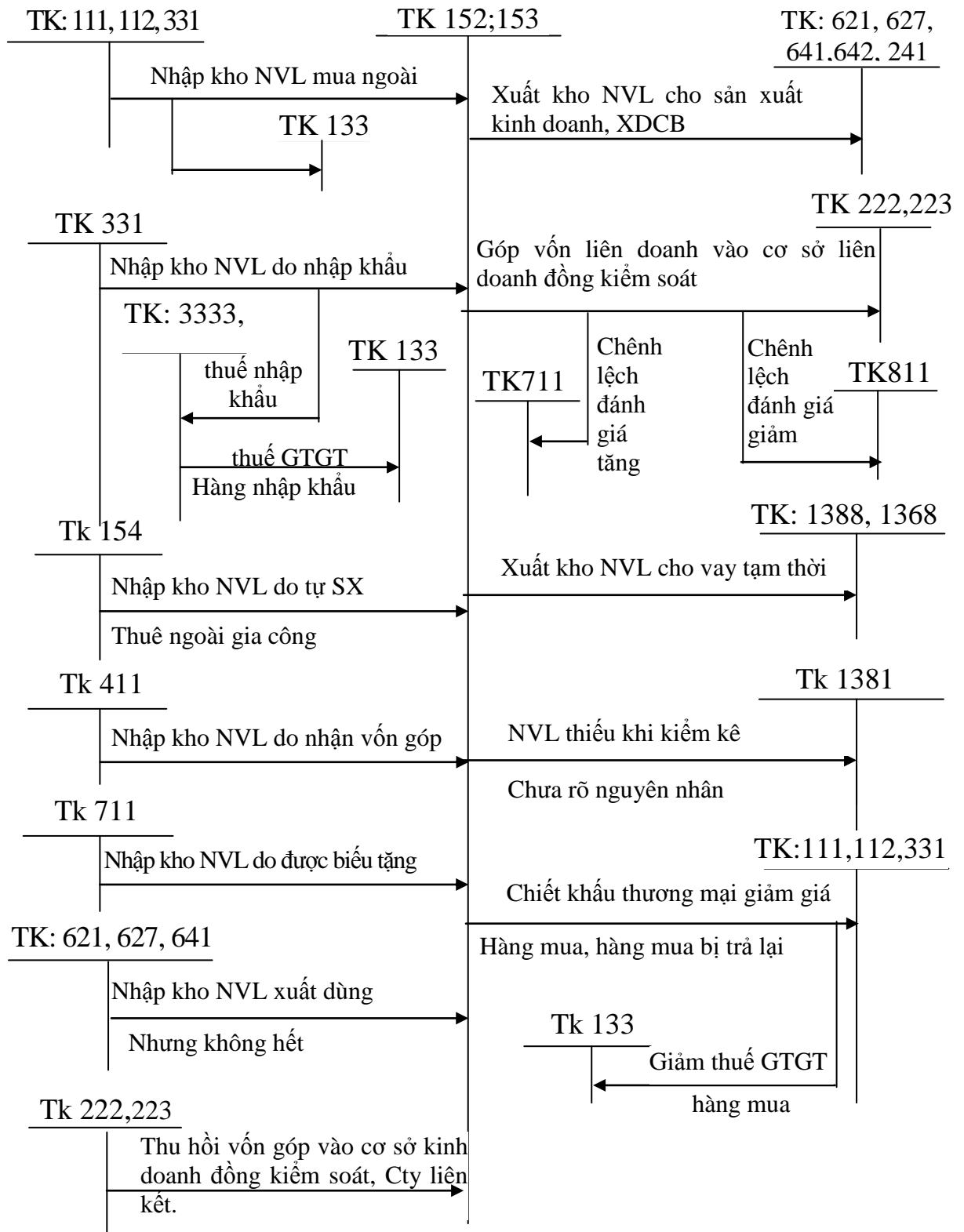
Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hoá
- Hoá đơn
- Phiếu mua hàng
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho
- Ngoài ra còn có các chứng từ liên quan khác

Phương pháp kế toán nguyên vật liệu và một số nghiệp vụ chủ yếu được hạch toán thông qua sơ đồ sau:

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Sơ đồ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp KCTX



1.2.5.2 Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Trường hợp doanh nghiệp sử dụng phương pháp KKĐK để hạch toán tổng hợp NVL, kế toán phải sử dụng TK 611 “Mua hàng”. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị thực tế của số vật tư hàng hoá mua vào, xuất trong kỳ

Kết cấu của tài khoản như sau:

Bên Nợ:

Trị giá thực tế hàng hoá NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ

Trị giá thực tế hàng hoá, NVL, CCDC mua vào trong kỳ, hàng hoá đã bán bị trả lại...

Bên Có:

Trị giá thực tế hàng hoá NVL, CCDC xuất trong kỳ.

Trị giá thực tế hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ.

Trị giá vật tư hàng hoá trả lại cho người bán hoặc được giảm giá

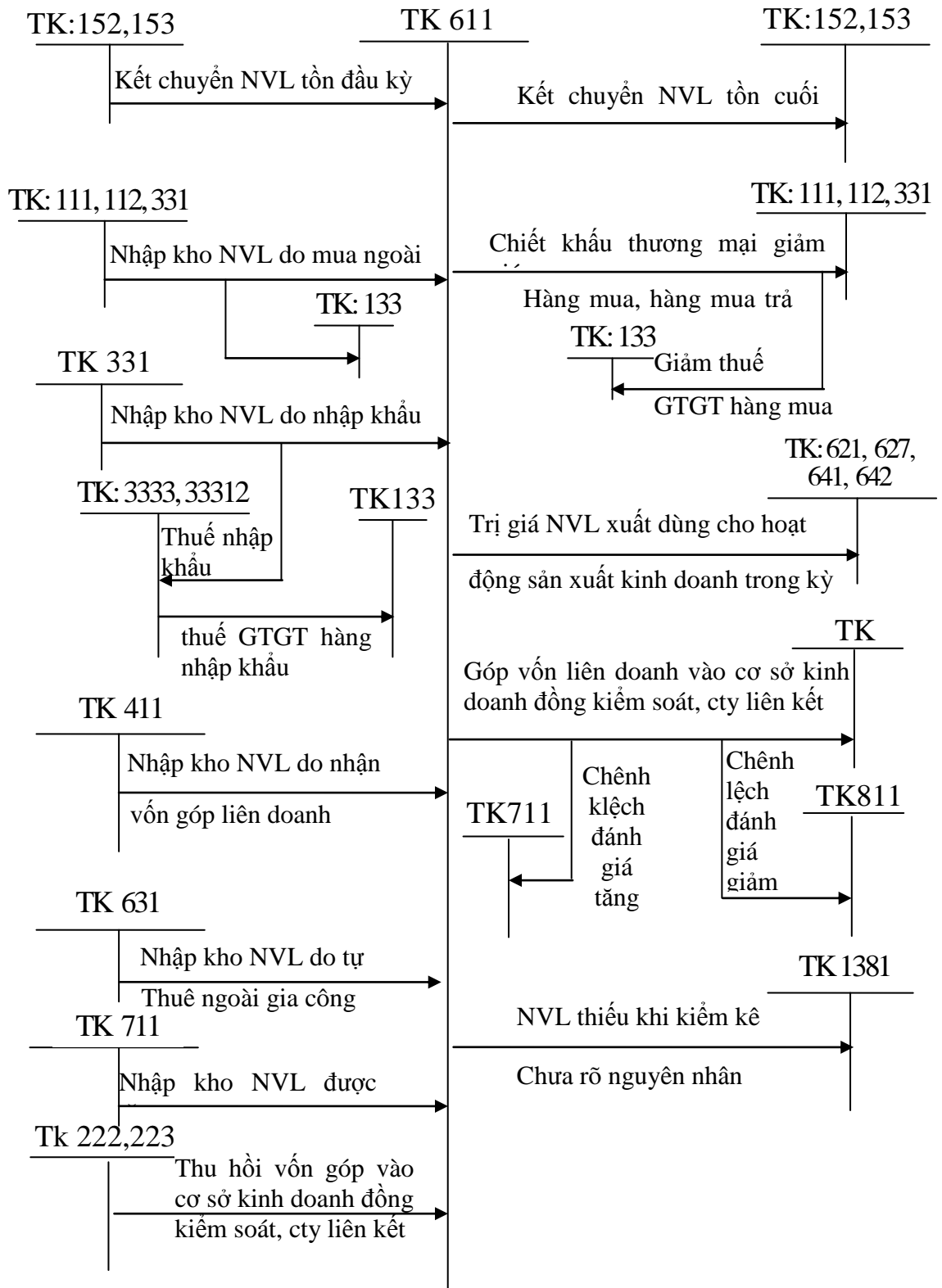
Trị giá thực tế hàng hoá , NVL, CCDC tồn cuối kỳ

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành các tài khoản cấp 2

Tài khoản 152 cũng được sử dụng nhưng nó chỉ phản ánh trị giá vốn nguyên vật liệu tồn đầu kỳ và cuối kỳ. ngoài ra kế toán cũng sử dụng các tài khoản khác như: TK 111, TK 112, TK 133, TK 141, TK 331

Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu được tóm tắt bằng sơ đồ sau đây:

**Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương
pháp KKĐK**



1.2.6 Hình thức tổ chức sổ kế toán

Các doanh nghiệp sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Chứng từ - Ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

① Hình thức kế toán Nhật ký chung:

Hình thức này được áp dụng với điều kiện lao động thủ công hoặc loại hình doanh nghiệp đơn giản, quy mô vừa và nhỏ, trình độ quản lý thấp.

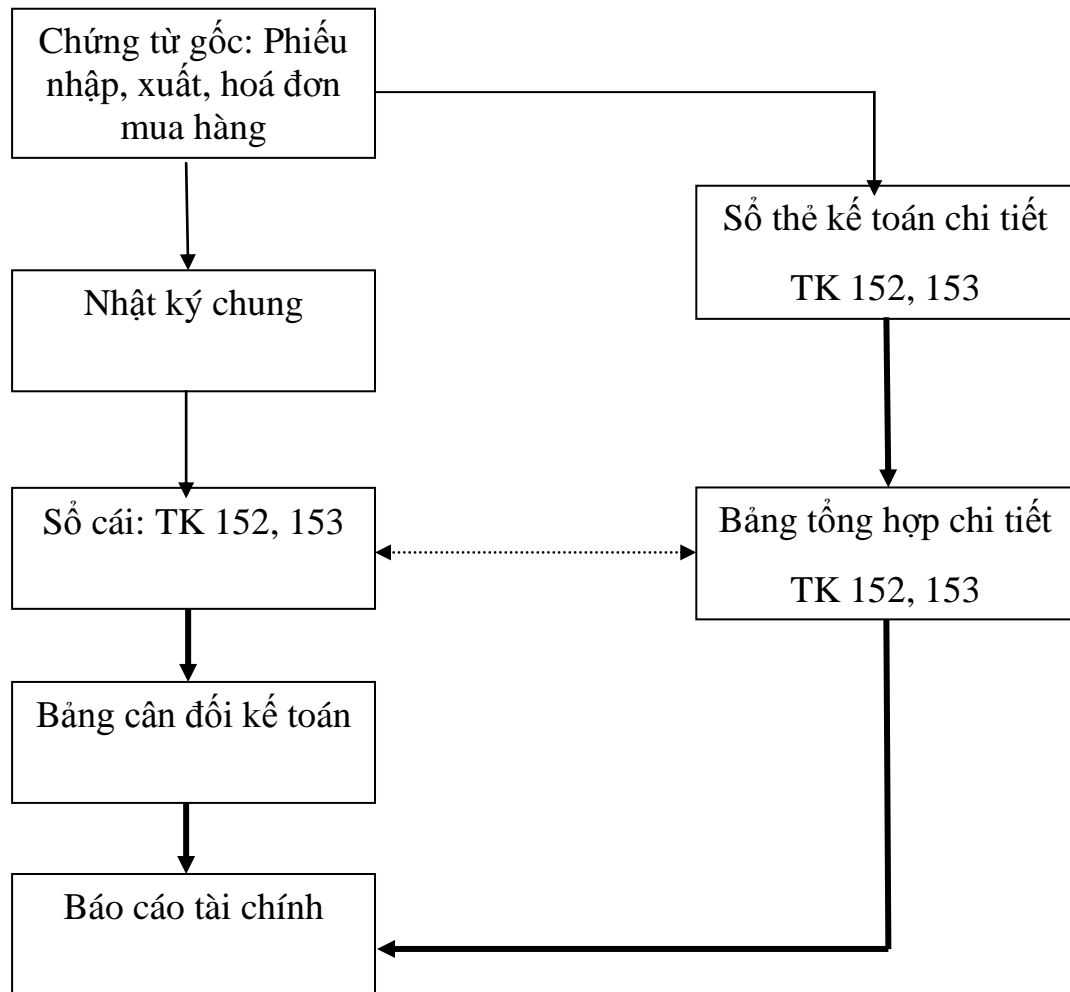
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Đây là hình thức được công ty áp dụng trong việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh. Sau đây là sơ đồ phản ánh chu trình luân chuyển chứng từ của hình thức kế toán Nhật ký chung

SƠ ĐỒ GHI SỔ THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi cuối tháng, cuối quý, cuối năm
 - ←-----> Quan hệ đối chiếu

② Hình thức Chứng từ - ghi sổ:

Hình thức này cũng được áp dụng với những loại hình doanh nghiệp đơn giản, quy mô vừa và nhỏ, trình độ quản lý thấp, có nhu cầu phân công lao động kế toán.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ - ghi sổ: căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

③ Hình thức Nhật ký – Chứng từ:

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Chứng từ:

-Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

-Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

-Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

-Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

④ Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi chép vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

⑤ Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN

2.1 Đặc điểm tình hình chung của công ty

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên được thành lập ngày 16 tháng 2 năm 2001 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0102011303 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Tên đầy đủ: *Công ty Liên doanh Chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên*

Tên tiếng anh: *Jove yuang international stonecraft venture company.*

Tên viết tắt: *Jove yuang international stonecraft*

Địa chỉ trụ sở chính: xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Điện thoại: 031 3867996

Số fax: 031 3867869

Mã số thuế: 0200640053

Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là chế tác, gia công các sản phẩm đá phục vụ trang trí nội ngoại thất và các sản phẩm đá thủ công mỹ nghệ.

Vốn điều lệ của công ty là 32.000.000.000 (Ba mươi hai tỷ Việt Nam đồng)

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Wang, Cheng – Kang.

Mặc dù mới được thành lập nhưng do đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của công cuộc đổi mới nền kinh tế của đất nước nên Công ty ngày càng phát triển, chất lượng sản phẩm được nâng cao, mẫu mã được cải tiến và nhanh chóng khẳng định được vị thế của mình trên thị trường.

Về mặt công nghệ, Công ty có bộ phận nghiên cứu, thiết kế công nghệ, kiểm tra chất lượng sản phẩm. Trong quá trình làm việc kết hợp cùng với các chuyên gia nước ngoài nhằm tạo ra những sản phẩm với chất lượng tốt nhất.

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, giàu kinh nghiệm, có năng lực sáng tạo, Công ty đã tạo ra những sản phẩm chất lượng cao được người tiêu dùng tín nhiệm. Sản phẩm của Công ty hiện có mặt rộng khắp thị trường trong nước và một số thị trường nước ngoài như Đài Loan và một số nước châu Âu.

Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên là doanh nghiệp tư nhân có tư cách pháp nhân, hoạt động sản xuất kinh doanh độc lập. Công ty luôn sẵn sàng hợp tác, đầu tư phát triển, liên doanh, liên kết trong SXKD với các doanh nghiệp, đơn vị trong và ngoài nước thuộc các thành phần kinh tế trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi.

2.1.2 Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên

2.1.2.1 Đặc điểm sản phẩm

Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên tổ chức hoạt động sản xuất, chế tác và gia công các sản phẩm đá phục vụ trang trí nội ngoại thất. Sản phẩm có thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước.

Nhìn chung đối tượng tính giá thành là từng loại đá khác nhau nhưng đều có chung một quy trình sản xuất. Quy trình sản xuất sản phẩm của công ty cũng khá đơn giản, nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm hầu hết đều giống nhau về chất lượng, quy cách chỉ khác nhau về mẫu mã nguyên vật liệu.

2.1.2.2 Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm

Nhìn chung các loại sản phẩm khác nhau của công ty đều có cấu tạo như nhau. Quy trình sản xuất của từng loại sản phẩm được chia thành sản xuất từng bộ phận của sản phẩm. Khi bắt đầu tiến hành sản xuất, các loại NVL; CCDC hợp lý được chuyển tới từng phân xưởng từ một kho duy nhất của công ty theo một định mức có sẵn cho từng loại sản phẩm đã được chuyên gia kỹ thuật phê duyệt. Cụ thể gồm các công đoạn sau:

Tổ cắt đá: Thực hiện công việc đưa đá vào máy cắt để cắt đá khối thành đá tấm với nhiều kích thước khác nhau nhằm phục vụ cho những sản phẩm khác nhau. Sau khi hoàn thành công đoạn cắt đá, đá tấm sẽ được chuyển qua tổ bù keo

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Tổ bù keo: Tổ bù keo sẽ tiếp nhận những đá tẩm trong quá trình cắt bị vỡ, sứt mẻ. Nhiệm vụ của tổ này là chít đá bù keo để đá tẩm được vuông vức theo mẫu yêu cầu sản phẩm. Sau khi đá tẩm được bù keo sẽ chuyển qua công đoạn dán lưới

Tổ dán lưới: Đá tẩm cũng như đá thành phẩm có hai mặt: mặt trên, mặt dưới. Mặt dưới của đá sẽ được dán lưới và sau đó chuyển qua tổ đánh bóng.

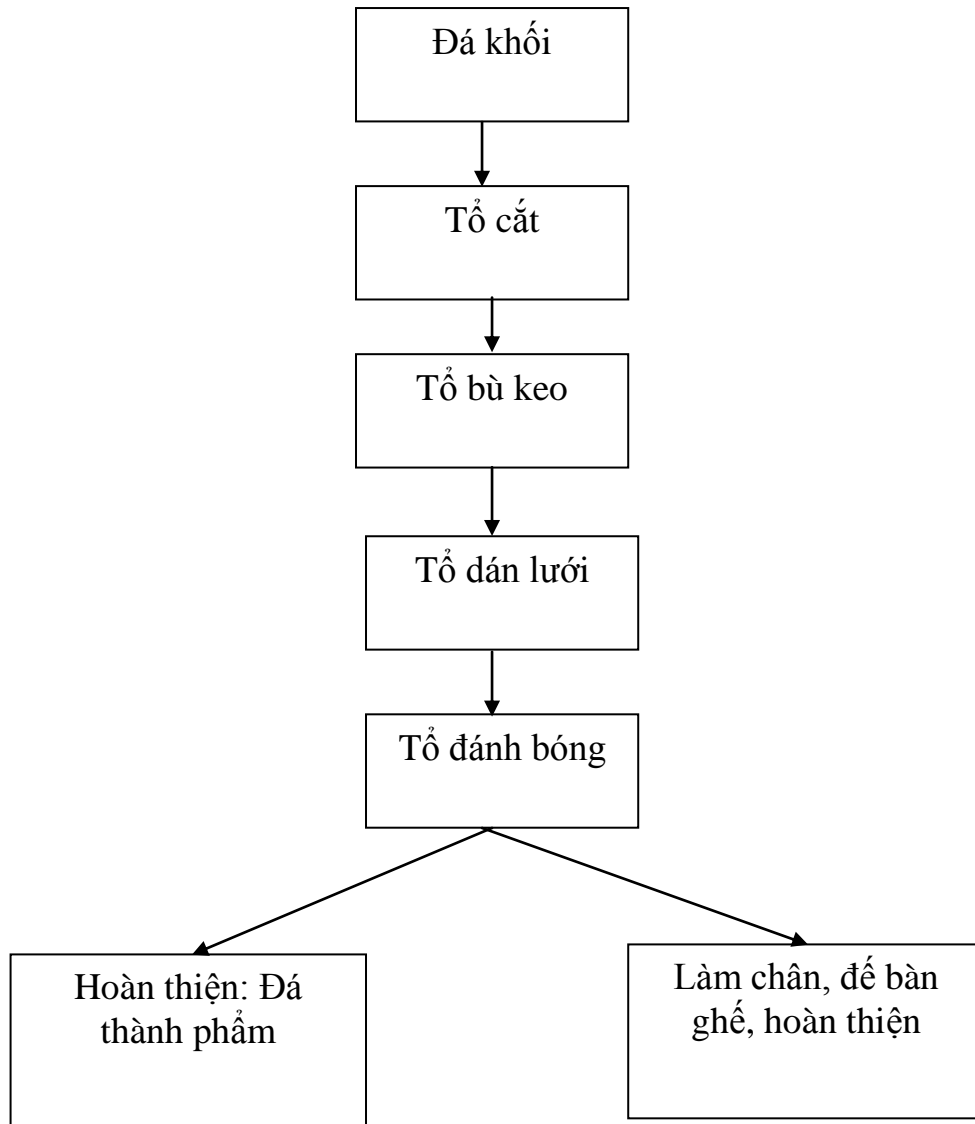
Tổ đánh bóng có nhiệm vụ đánh bóng bề mặt trên của đá và thực hiện công tác hoàn thiện sản phẩm.

Đối với các sản phẩm là bàn ghế đá sau khi được đánh bóng sẽ qua tổ làm chân, đế. Tổ này có nhiệm vụ làm chân bàn, ghế. Chân bàn có thể được làm bằng đá, gỗ hoặc inox. Chân bàn được làm bằng gỗ chỉ sử dụng đối với những mẫu bàn nhỏ, trọng lượng thấp.

Quy trình sản xuất sản phẩm của công ty là quy trình liên tục kiểu khép kín.

Có thể phác họa quy trình sản xuất sản phẩm của công ty bằng sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY



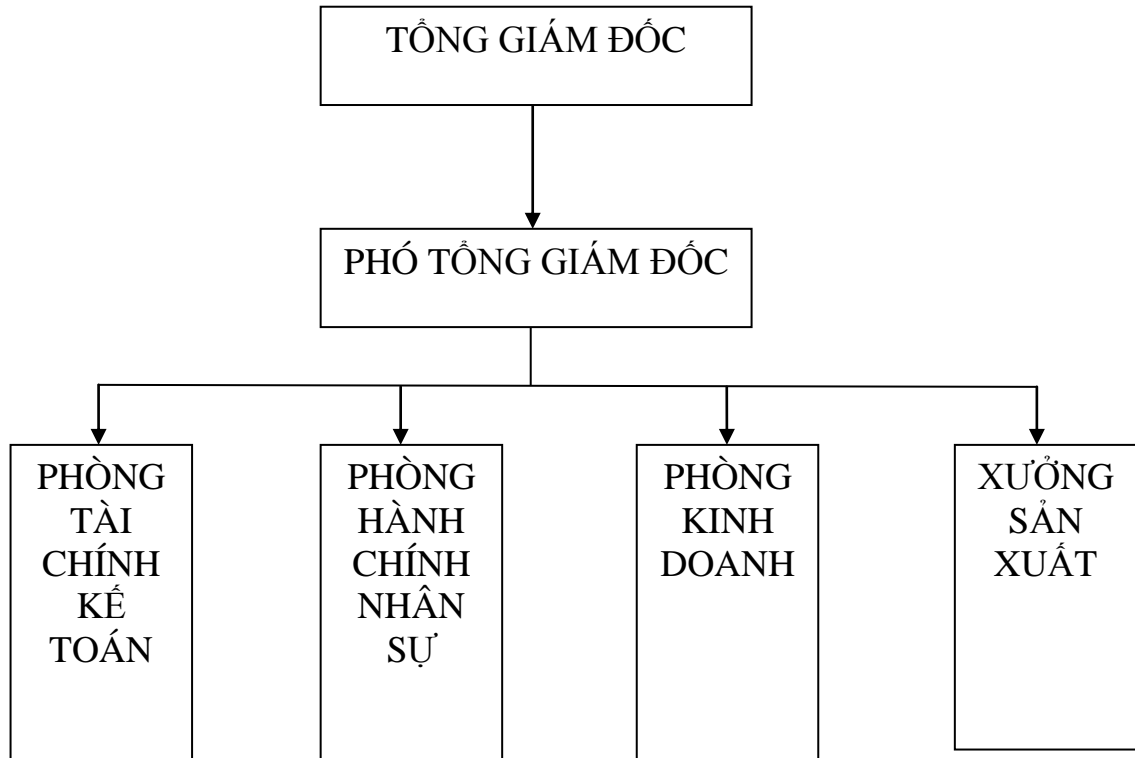
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.

Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên là một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Công ty có nhiệm vụ thực hiện và chịu trách nhiệm vật chất về những cam kết của doanh nghiệp mình với những hợp đồng đã ký với khách hàng đồng thời thực hiện đầy đủ mọi công đoạn của quá trình sản xuất, từ khâu mua nguyên vật liệu đến xác định kết quả SXKD.

Xuất phát từ nhiệm vụ và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của công ty, để điều hành quản lý công ty một cách khoa học, có hiệu quả theo đúng luật định,

thực hiện được những nhiệm vụ mà công ty đề ra. Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý thống nhất từ ban giám đốc đến các phòng ban. Cụ thể như ở sơ đồ sau:

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY LIÊN
DOANH CHẾ TÁC ĐÁ QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN**



Tổng giám đốc: Là người chịu trách nhiệm trước pháp luật và tập thể cán bộ công nhân viên công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tổ chức quản lý công ty đảm bảo công ty sản xuất kinh doanh có lãi theo đúng pháp luật. Cụ thể:

Tổng giám đốc có nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Đại diện cho công ty ký kết các hợp đồng kinh tế.

Quản lý sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.

Thực hiện chế độ phân phối thu nhập, phân phối tiền lương, thưởng đúng chế độ, chính sách quy chế của công ty và giải quyết những vấn đề phúc lợi xã hội cho công nhân viên chức: BHXH, BHYT.

Phó tổng giám đốc: Là người luôn sát cánh cùng tổng giám đốc và phụ trách trực tiếp các phòng ban. Có thể thay thế Tổng giám đốc ký kết cũng như điều hành

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

công việc khi Tổng giám đốc vắng mặt, đóng góp ý kiến, tham gia đề xuất với Tổng giám đốc về công tác quản lý, điều hành chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của công ty.

Phòng tài chính kế toán: Được công ty bổ nhiệm, điều hành kiểm tra công việc về mặt quản lý công tác thống kê tài chính kế toán của công ty, có nhiệm vụ cập nhật, xử lý, cung cấp và lưu trữ thông tin về tài chính kế toán. Cung cấp thông tin quản trị doanh nghiệp và làm việc trực tiếp với Cục thuế, Ngân hàng Nhà nước và các bộ phận khác có liên quan đến công tác tài chính kế toán tại công ty.

Phòng hành chính nhân sự: Quản lý các hoạt động phúc lợi và giao dịch với bên ngoài, quản lý công tác tuyên truyền và đào tạo nhân viên mới, quản lý tiền lương, lao động, theo dõi thi đua khen thưởng, công tác văn thư lưu trữ, tiếp khách. Lập kế hoạch đào tạo hàng năm cho toàn công ty vào thời điểm cuối năm.

Phòng kinh doanh: Có nhiệm vụ lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh, giao hàng đúng tiến độ cho khách hàng, tìm kiếm các đối tác phù hợp.

Xưởng sản xuất: Phụ trách mua nguyên vật liệu, hàng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất của công ty. Chủ động tìm các nguồn hàng mới và thực hiện nội địa hóa các linh kiện. tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng. Ngoài ra, xưởng sản xuất còn có nhiệm vụ sản xuất các sản phẩm, đảm bảo cho quy trình sản xuất diễn ra liên tục, sản phẩm được hoàn thành theo đúng tiến độ và kế hoạch mà doanh nghiệp đã đề ra. Tổ trưởng sản xuất của từng phân xưởng, bộ phận quản lý giao việc trực tiếp cho người lao động của tổ và cùng với tổ phó hoàn thành công việc mà quản đốc giao.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.

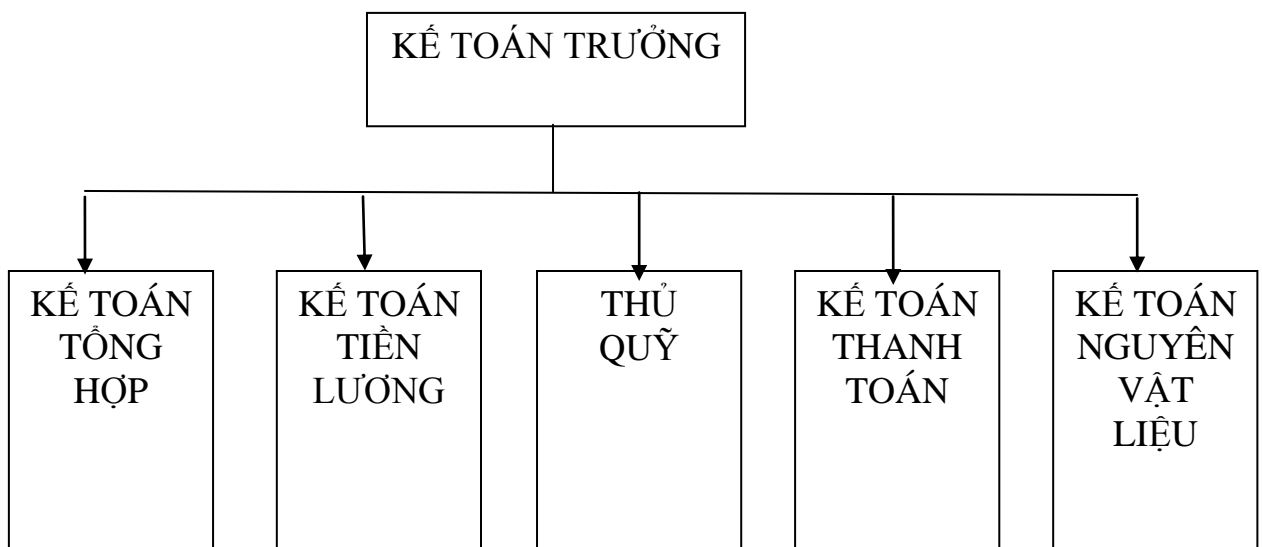
Bộ máy kế toán ở công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên gồm 6 nhân viên ngoài ra còn có một thủ kho làm công tác nhập, xuất vật tư cho các phân xưởng, tập hợp chứng từ chi phí ban đầu, phân loại chứng từ chi phí gửi về

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

phòng Tài chính kế toán Công ty. Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, có nghĩa là đơn vị chỉ mở một bộ sổ kế toán, tổ chức một bộ máy kế toán để thực hiện tất cả các giai đoạn hạch toán ở tất cả các phần hành kế toán. Với bộ máy kế toán gọn nhẹ nên việc phân công công việc cũng dễ dàng. Hàng ngày chứng từ về phòng kế toán, kế toán thanh toán phân loại, xử lý ghi vào sổ chi tiết, lên bảng kê chứng từ ghi sổ, chuyển qua kế toán trưởng, cuối tháng lập sổ cái, bảng cân đối kế toán. Quan hệ giữa các nhân viên trong bộ máy kế toán là quan hệ theo kiểu trực tuyến, tức là kế toán trưởng trực tiếp điều hành các nhân viên kế toán phần hành không thông qua trung gian nhận lệnh.

Bộ máy kế toán trên góc độ tổ chức lao động kế toán là tập hợp đồng bộ các nhân viên lao động kế toán để đảm bảo thực hiện khối lượng công tác kế toán phần hành với đầy đủ chức năng thông tin và kiểm tra. Các nhân viên trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ qua lại xuất phát từ sự phân công lao động phần hành trong bộ máy kế toán. Cụ thể bộ máy kế toán của Công ty gồm các nhân viên với chức năng, nhiệm vụ như sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY



Kế toán trưởng (Trưởng phòng tài chính kế toán): Được phân công chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của phòng kế toán. Thiết lập tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với hoạt động của công ty. Có chức năng tham mưu, giúp Ban giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán thống kê, thông tin kinh tế và hạch

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

toán kế toán ở Công ty theo cơ chế quản lý sản xuất kinh doanh theo đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước. Thực hiện các chính sách, chế độ về công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính pháp lý của các loại hợp đồng.

Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm kiểm tra số liệu do kế toán viên ghi chép. Thu thập xử lý thông tin tổng quát về hoạt động kinh tế tài chính của công ty. Ngoài ra kế toán tổng hợp còn có nhiệm vụ tổng hợp và tính giá thành cho từng loại sản phẩm, tính lãi, lỗ cho toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của cả Công ty. Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan đến các khoản chi phí do các phần hành kế toán khác chuyên đến, kế toán tổng hợp sẽ vào sổ kế toán cần thiết, lập báo cáo quý, năm và các báo cáo thuyết minh gửi cấp trên và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Thủ quỹ: Có trách nhiệm trong công tác thu, chi tiền mặt và tồn quỹ của công ty, thực hiện kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất theo quy định. Chịu trách nhiệm về số tiền mặt tại quỹ, thực hiện bảo quản tiền theo đúng quy định.

Kế toán tiền lương: Căn cứ vào bảng chấm công của các phòng ban, căn cứ vào định mức hệ số lương của từng cán bộ công nhân viên để tính lương, các khoản trích theo lương và phụ cấp của từng người ở từng bộ phận, phòng ban. Lập bảng tổng hợp tiền lương của toàn Công ty, phân bổ tiền lương theo quy định, theo dõi tình hình vay mượn, tạm ứng của từng đối tượng.

Kế toán thanh toán: Thực hiện việc theo dõi chi tiết từng khách hàng về giá trị tiền hàng, thời hạn thanh toán và tình hình thanh toán của từng khách hàng. Ngoài ra kế toán thanh toán cũng theo dõi việc thanh toán các khoản công nợ với nhà cung cấp, kiểm tra tính hợp lệ của các chứng từ trước khi thanh toán, theo dõi các khoản phải thu, phải trả khác.

Kế toán nguyên vật liệu: Theo dõi, phản ánh, báo cáo kịp thời đầy đủ tình hình nhập xuất tồn kho của nguyên vật liệu.

2.1.4.2 Hình thức kế toán ở Công ty

Chế độ kế toán: Hiện nay Công ty đang áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán, kiểm toán do Bộ Tài chính ban hành.

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 cho năm báo cáo.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Việt Nam đồng.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: hạch toán ngoại tệ theo đúng tỷ lệ giao dịch thực hiện. Đối với số dư cuối kỳ đánh giá ngoại tệ theo giao dịch liên ngân hàng tại thời điểm 31/12

Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: xác định theo giá gốc
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu: Phương pháp thẻ song song

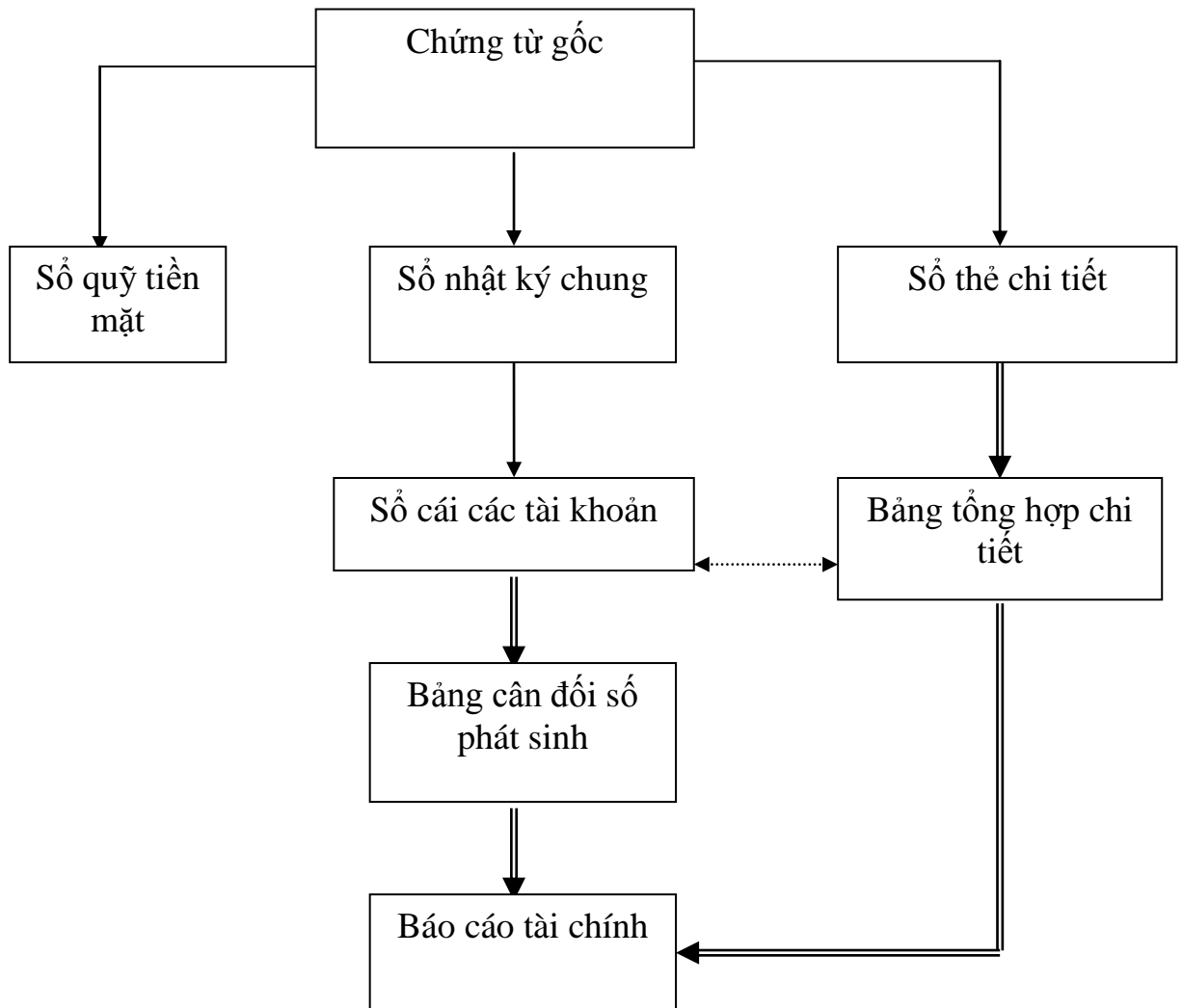
Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho: Phương pháp Nhập trước - xuất trước.

Hạch toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên đã áp dụng hình thức sổ sách kế toán Nhật ký chung và tuân thủ đầy đủ các quy định trong chế độ về hệ thống sổ sách cũng như trình tự kế toán của hình thức kế toán này.

Sau đây là sơ đồ quy trình hạch toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Liên doanh chế tác đá quốc tế Thủy Nguyên

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH HẠCH TOÁN TẠI CÔNG TY



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ↔ Quan hệ đối chiếu

Hàng ngày tập hợp các phiếu nhập, phiếu xuất, hóa đơn mua hàng để ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 152, 153. Đồng thời phải ghi các nghiệp vụ phát sinh đó vào các sổ thẻ chi tiết liên quan.

Cuối kỳ cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.

2.2.1 Đặc điểm và cách phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

2.2.1.1 Đặc điểm chi phối tới công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

➤ **Đặc điểm về quá trình sản xuất**

Phần lớn việc sản xuất sản phẩm là xuất phát từ các đơn đặt hàng với khách hàng. Các yêu cầu về nguyên vật liệu sản xuất, mẫu mã sản phẩm do khách hàng đưa ra. Trong một kỳ công ty có thể phải thực hiện sản xuất nhiều đơn hàng mà mỗi đơn hàng lại có những yêu cầu khác nhau về mẫu mã, chất lượng, quy cách, chủng loại cũng như kích thước và thời hạn giao hàng. Chính vì vậy đòi hỏi kế toán nguyên vật liệu phải theo dõi chi tiết, sát sao từng loại nguyên vật liệu để làm cơ sở tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách đúng đắn, đầy đủ.

➤ **Đặc điểm về sản phẩm**

Sản phẩm đá của công ty bao gồm: đá xẻ ốp lát, các sản phẩm đá phục vụ trang trí, bàn ghế đá các loại. Hầu hết sản phẩm của công ty đều có chung một quy trình sản xuất và được sản xuất với nguyên liệu chính là đá khối. Ngoài nguyên vật liệu chính là đá khối thì tùy từng sản phẩm lại có những nguyên vật liệu phụ khác nhau. Ngoài ra, quy cách; chủng loại của sản phẩm cũng không quá đa dạng. Với đặc điểm sản phẩm như trên thì công tác hạch toán nguyên vật liệu ở công ty cũng không quá phức tạp.

➤ **Đặc điểm về sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ**

Nguyên vật liệu của công ty dễ bảo quản, ít bị thay đổi phẩm chất, quy cách. Tuy nhiên do khối lượng đá khối là lớn nên trong quá trình vận chuyển lên xuống cần hết sức cẩn trọng. Nguyên vật liệu của công ty được chia thành nhiều nhóm khác nhau. Mỗi nhóm nguyên vật liệu hầu hết chỉ khác nhau về mẫu mã, vân hoa trên đá. Khi có đơn đặt hàng của khách hàng, dựa theo yêu cầu của đơn hàng để chọn mẫu mã và nguyên vật liệu phụ cho phù hợp. Đặc điểm này yêu cầu phải quản lý chi tiết từng nguyên vật liệu.

Mặt khác, các nghiệp vụ về nhập kho, xuất kho nguyên vật liệu cũng không nhiều nên công ty có thể lựa chọn phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu đơn giản.

2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu trong công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên

Muốn quản lý và hạch toán chính xác vật liệu, công cụ dụng cụ thì phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ một cách khoa học hợp lý. Tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên cũng tiến hành phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Song việc phân loại nguyên vật liệu chỉ để thuận tiện và đơn giản cho việc quản lý, theo dõi, bảo quản nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở kho. Nhưng trong công tác hạch toán do sử dụng mã vật tư nên công ty không sử dụng cấp 2 để phản ánh từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mà công ty đã xây dựng mỗi thứ vật tư một mã số riêng, như quy định một lần trên bảng mã vật tư trên máy tính bởi các chữ cái đầu của vật liệu, công cụ dụng cụ. Vì vậy tất cả các loại vật liệu sử dụng đều hạch toán tài khoản 152 “nguyên liệu, vật liệu” các loại công cụ dụng cụ đều hạch toán vào tài khoản 153 “công cụ dụng cụ”. Cụ thể:

Căn cứ vào nội dung kinh tế và vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu được chia thành

Nguyên vật liệu chính: bao gồm đá khối với nhiều nhóm khác nhau. Mỗi nhóm là một mẫu mã vân đá khác nhau.

Nguyên vật liệu phụ: keo, lưới dính đá, đinh, que hàn

Căn cứ vào nguồn gốc của nguyên vật liệu: toàn bộ nguyên vật liệu của công ty là mua ngoài.

Phân loại công cụ dụng cụ tại công ty

Dụng cụ đồ dùng: máy cưa, máy mài, máy tời....

Dụng cụ bảo hộ lao động: quần áo bảo hộ, mũ bảo hộ, găng tay

Dụng cụ quản lý: bàn, ghế, tủ đựng tài liệu, máy tính...

2.2.2 Hạch toán kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.

Hiện nay công ty áp dụng hình thức nhật ký chung, tuy nhiên cũng có một số vận dụng mẫu sổ phù hợp với thực tế và phát huy tốt các chức năng của kế toán. Cụ thể khi vật liệu, công cụ dụng cụ mua về đến kho của công ty trình tự hạch toán được tiến hành như sau:

2.2.2.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Theo chế độ kế toán quy định, tất cả các loại vật liệu, công cụ dụng cụ về đến công ty đều phải tiến hành kiểm nhận và làm thủ tục nhập kho.

Khi vật liệu, công cụ dụng cụ được chuyển đến công ty, người đi nhận hàng (nhân viên tiếp liệu) phải mang hóa đơn của bên bán vật liệu, công cụ dụng cụ lên phòng kinh doanh. Trong hóa đơn phải ghi rõ các chỉ tiêu: chủng loại, quy cách vật liệu, khối lượng vật liệu, đơn giá vật liệu, thành tiền, hình thức thanh toán...

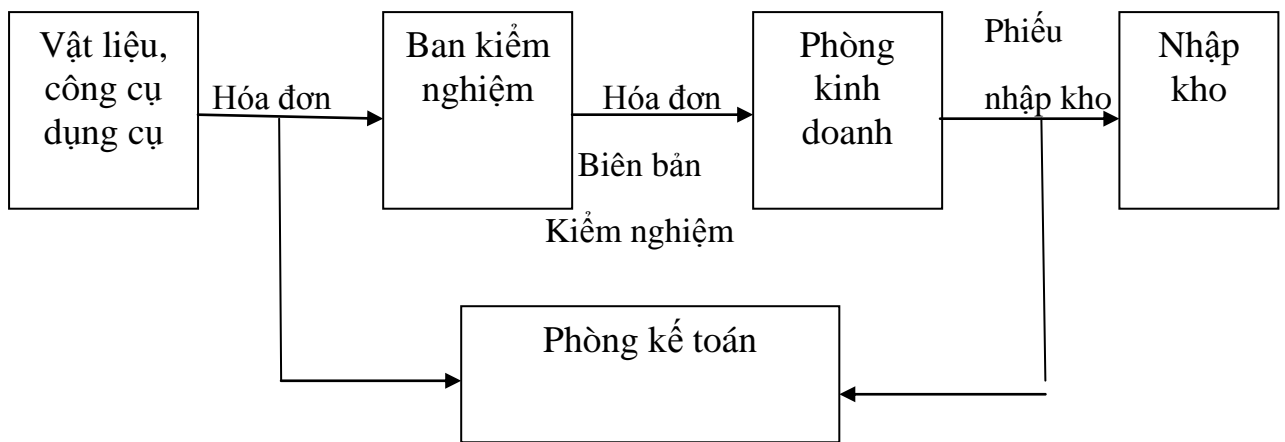
Căn cứ vào hóa đơn của đơn vị bán, phòng kinh doanh tiếp nhận xem xét tính hợp lý của hóa đơn, nếu nội dung ghi trong hóa đơn phù hợp với hợp đồng đã ký, đúng chủng loại, đủ số lượng, chất lượng đảm bảo...thì đồng ý nhập kho số vật liệu đó đồng thời lập thành 2 liên phiếu nhập kho.

Người lập phiếu nhập kho phải đánh số hiệu phiếu nhập kho và vào thẻ kho rồi giao cả 2 liên cho người nhận hàng. Người nhận hàng mang hóa đơn kiêm phiếu xuất kho và 2 liên phiếu nhập kho tới để nhận hàng. Thủ kho tiến hành kiểm nhận số lượng và chất lượng ghi vào cột thu nhập rồi ký nhận cả 2 liên phiếu nhập kho, sau đó vào thẻ kho. Cuối ngày thủ kho phải chuyển cho kế toán vật tư một phiếu liên nhập, còn một liên phiếu phải nhập (kèm theo hóa đơn kiêm phiếu xuất kho) chuyển cho kế toán công nợ để theo dõi thanh toán. Đồng thời kế toán vật liệu phải theo dõi đối chiếu kế toán công nợ để phát hiện những trường hợp thủ kho còn thiếu phiếu nhập kho chưa vào thẻ kho hoặc nhân viên tiếp liệu chưa mang chứng từ hóa đơn đến thanh toán nợ. Kế toán theo dõi công nợ phải thường xuyên theo dõi thông báo số nợ của từng người và có biện pháp thanh toán dứt điểm tránh tình trạng nợ kéo dài.

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Ở công ty liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên việc mua nguyên vật liệu do phòng kinh doanh đảm nhận, mua theo kế hoạch cung ứng hoặc theo tiến độ, tình hình sản xuất sản phẩm. Khi vật liệu, công cụ dụng cụ được mua về, người mua hàng sẽ mang hóa đơn mua hàng như: hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT của đơn vị bán, hóa đơn cước phí vận chuyển, bốc xếp...lên phòng kế toán. Trước khi nhập kho, nguyên vật liệu mua về sẽ được thủ kho, nhân viên phòng kinh doanh và kế toán nguyên vật liệu tiến hành kiểm tra số lượng, chất lượng, quy cách đối chiếu với hóa đơn nếu đúng mới cho nhập kho và nhân viên phòng kinh doanh sẽ viết phiếu nhập kho. Trường hợp nguyên vật liệu mua về có khối lượng lớn thì công ty sẽ có ban kiểm nghiệm vật tư lập “Biên bản kiểm nghiệm vật tư”. Sau khi đã có ý kiến của ban kiểm nghiệm vật tư về số hàng mua về đúng quy cách, chất lượng, mẫu mã theo hóa đơn thì thủ kho mới tiến hành nhập kho.

Thủ tục nhập kho được thể hiện ở sơ đồ sau:



Hàng tháng thủ kho mang chứng từ của mình lên phòng kế toán công ty để đối chiếu số liệu giữa phiếu nhập kho và thẻ kho, đồng thời kế toán rút sổ số dư cuối tháng và ký xác nhận vào thẻ kho.

Bắt đầu từ những chứng từ gốc sau đây kế toán bắt đầu công việc của mình

VD1: Ngày 10 tháng 1 năm 2011, mua $5m^3$ đá khối vân xanh, $10m^3$ đá slap nhập kho, đơn giá chưa thuế GTGT của đá khối vân xanh: 2.640.000 đ/ m^3 , đơn giá chưa thuế của đá slap: 2.348.000 đ/ m^3 . Chi phí vận chuyển bốc dỡ do bên bán chịu, thuế GTGT 10%, doanh nghiệp chưa thanh toán tiền hàng.

Giá thực tế của đá khối vân xanh nhập kho là:

$$5 \times 2.640.000 = 13.200.000$$

Giá thực tế của đá slap nhập kho là:

$$10 \times 2.348.000 = 23.480.000$$

Khi mua nguyên vật liệu công ty nhận được hoá đơn giá trị gia tăng (Biểu số 2.1)

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Biểu số 2.1: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000185

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: VD/11P		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Số: 0000185		
Ngày 10 tháng 01 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP LUYỆN KIM VÀ KHAI KHOÁNG VIỆT ĐỨC					
Mã số thuế: 0102288595					
Địa chỉ: P502CT-2KĐT Mễ Trì Hạ - Từ Liêm – Hà Nội					
Họ tên người mua:					
Đơn vị mua: CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN					
Mã số thuế: 0200640053					
Địa chỉ: xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=4x5
01	Đá khối vân xanh	M ³	5	2.640.000	13.200.000
02	Đá slap	M ³	10	2.348.000	23.480.000
Cộng tiền hàng					36.680.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế:		3.668.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					40.348.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

Khi hàng về tới kho căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0000185 (Biểu số 2.1) kế toán lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.3). Trước khi nhập kho công ty tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (Biểu số 2.2) kiểm nhận số lượng, chất lượng số nguyên vật liệu vừa mua. Khi đã kiểm tra đảm bảo cả về số lượng và chất lượng thủ kho mới lập phiếu nhập kho

Biểu số 2.2:

**CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ
QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN**

Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên,
Hải Phòng

Mẫu số: 03-VT

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)*

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 10 tháng 1 năm 2011

Căn cứ vào hóa đơn số 0000185 ngày 10/1/2011 của Công ty CP luyện kim và khai
khoang Việt Đức giao.

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông: Trần Minh Tuấn – Đại diện phòng kinh doanh – Trưởng ban

Bà : Nguyễn Thị Nhung – Đại diện thủ kho - Ủy viên

Ông: Vũ Thành Chung – Đại diện kỹ thuật - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					Số lượng đúng quy cách	Số lượng không đúng	
1	Đá khối vân xanh	K01	M ³	5	5	0	
2	Đá Slap	Slap	M ³	10	10	0	

Kết luận của ban kiểm nghiệm: Đạt

Ngày 10 tháng 01 năm 2011

Đại diện kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Căn cứ vào hóa đơn số **0000185** và biên bản kiểm nghiệm vật tư số hàng thực tế đã về, phòng kinh doanh viết phiếu nhập kho ngày 10/1/2011. Thủ kho xác định số lượng, đơn giá tiến hành nhập kho.

Biểu số 2.3:

CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ

Mẫu số: 01-VT

QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên,

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 10 tháng 01 năm 2011 Số: 09/01

Nợ TK 152:

Có TK 331:

Họ và tên người giao: Nguyễn Văn Linh

Địa chỉ: Công ty CP luyện kim và khai khoáng Việt Đức

Nhập tại kho: Vật tư

STT	Tên quy cách sản phẩm hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực nhập		
1	Đá khối vân xanh	M ³	5	5	2.640.000	13.200.000
2	Đá slap	M ³	10	10	2.348.000	23.480.000
						36.680.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Ngày 10 tháng 1 năm 2011

Người lập
phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao
hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

VD2: Ngày 15 tháng 1 năm 2011 mua 100 bộ quần áo bảo hộ lao động phục vụ cho công nhân sản xuất sản phẩm. Đơn giá chưa có thuế GTGT là 310.000đ/bộ, thuế GTGT 10%. Công ty đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Giá thực tế nhập kho của quần áo bảo hộ lao động là:

$$100 \times 310.000 = 31.000.000$$

Tổ trưởng tổ sản xuất viết giấy đề nghị (Biểu số 2.4) trình lên ban giám đốc về vấn đề mua quần áo bảo hộ lao động.

Khi mua hàng về căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng số 0000131 (Biểu số 2.5), kế toán lập phiếu nhập kho số 20/01 (Biểu số 2.7), trước khi nhập kho công ty tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (Biểu số 2.6) kiểm nhận số lượng, chất lượng số công cụ dụng cụ vừa mua. Khi đã kiểm tra đảm bảo cả về số lượng và chất lượng thủ kho mới lập phiếu nhập kho.

Biểu số 2.4

**CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC
ĐÁ QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔ SẢN XUẤT

Hải Phòng, ngày 08 tháng 01 năm 2011

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Ban kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm của công ty.

Kính đề nghị Trưởng ban duyệt cho mua một số vật tư sau:

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
01	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	100	

(Trong kho còn số lượng ít vật tư trên)

Giám đốc công ty

Ban kỹ thuật

Tổ sản xuất

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Biểu số 2.5 : Hoá đơn GTGT số 0000131

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 15 tháng 01 năm 2011	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: VD/11P Số: 0000131				
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY MAY NAM THUẬN Mã số thuế: 0202288531 Địa chỉ: Thuỷ Sơn, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng					
Họ tên người mua: Đơn vị mua: CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN Mã số thuế: 0200640053 Địa chỉ: xóm Trung, Lưu Kiếm, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=4x5
01	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	100	310.000	31.000.000
Cộng tiền hàng					31.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế:		3.100.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					34.100.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.6:

CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ
QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN
Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên,
Hải Phòng

Mẫu số: 03-VT
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)*

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 15 tháng 1 năm 2011

Căn cứ vào hóa đơn số 0000131 ngày 15/1/2011 của Công ty may Nam Thuận giao.

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông: Trần Minh Tuấn – Đại diện phòng kinh doanh – Trưởng ban

Bà : Nguyễn Thị Nhung – Đại diện thủ kho - Ủy viên

Ông: Vũ Thành Chung – Đại diện kỹ thuật - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					Số lượng đúng quy cách	Số lượng không đúng	
1	Quần áo bảo hộ lao động		bộ	100	100	0	

Kết luận của ban kiểm nghiệm: Đúng quy cách, sản phẩm mới 100%

Ngày 15 tháng 01 năm 2011

Đại diện kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.*

Biểu số 2.7: Phiếu nhập kho

CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ
QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN

Mẫu số: 01-VT

Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên,
Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 15 tháng 01 năm 2011 Số: 20/01

Nợ TK 153:

Có TK 331:

Họ và tên người giao: Nguyễn Thị Miên

Địa chỉ: Công ty may Nam Thuận

Nhập tại kho: Công cụ dụng cụ

STT	Tên quy cách sản phẩm hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực nhập		
01	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	100	100	310.000	31.000.000
						31.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi một triệu đồng chẵn.

Ngày 15 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

2.2.2.2 Thủ tục xuất kho

Vật liệu chủ yếu được xuất kho để sản xuất sản phẩm, sử dụng cho sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào số lượng vật tư yêu cầu tính toán theo định mức sử dụng của cán bộ kỹ thuật, phòng kinh doanh, nhân viên phòng kinh doanh lập phiếu xuất kho theo yêu cầu gồm 2 liên. Người lĩnh vật tư mang 2 liên phiếu vật tư đến kho để xin lĩnh vật tư. Thủ kho căn cứ vào quyết định xuất vật tư và theo tình hình sản xuất sản phẩm để xuất vật liệu, công cụ dụng cụ. Thủ kho giữ lại một liên để vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán nguyên vật liệu để hạch toán, 1 liên gửi cho cán bộ kỹ thuật phụ trách sản xuất sản phẩm để kiểm tra số lượng, chất lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đưa từ kho đến nơi sử dụng.

Ở công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên nguyên vật liệu xuất kho chủ yếu dùng cho sản xuất sản phẩm. Nguyên vật liệu của công ty được chia thành nhiều nhóm với những mẫu mã khác nhau. Việc xuất nguyên vật liệu được căn cứ vào nhu cầu của phân xưởng sản xuất và định mức tiêu hao nguyên vật liệu trên cơ sở các đơn hàng đã được ký kết.

Sau khi đối chiếu khối lượng nguyên vật liệu trên phiếu xuất kho tại cột số lượng yêu cầu với nguyên vật liệu thực tế có trong kho, thủ kho sẽ ghi vào phiếu xuất kho ở cột số lượng thực xuất và ký xác nhận. Sau đó thủ kho tiến hành xuất kho nguyên vật liệu.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu ở quyền gốc tại phòng kinh doanh

Liên 2: Giao cho người lĩnh nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Liên 3: Giao cho thủ kho để làm căn cứ xuất kho và ghi vào thẻ kho rồi chuyển cho kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để vào bảng kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Đối với trường hợp không sử dụng hết nguyên vật liệu, muốn bán phải có lệnh của Giám đốc, phòng kinh doanh căn cứ vào quyết định bán nguyên vật liệu và thoả thuận với khách hàng lập hoá đơn giá trị gia tăng có đầy đủ chữ ký của Giám đốc, kế toán trưởng, phòng kinh doanh và người mua.

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Hoá đơn giá trị gia tăng lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại quyền gốc ở phòng kinh doanh

Liên 2: Giao cho khách hàng

Liên 3: Giao cho thủ kho để ghi vào thẻ kho rồi chuyển cho kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì kế toán tiêu thụ viết phiếu thu và đóng dấu đã thu tiền vào phiếu thu. Khi đã hoàn tất mọi thủ tục khách hàng đến kho lấy hàng.

Bên cạnh đó trước khi viết phiếu thu thì vật liệu xuất kho phải được giám đốc duyệt, xuất kho vật liệu phải đảm bảo số lượng, quy cách, phẩm chất. Trên phiếu xuất kho phải ghi phần trăm giá trị sử dụng còn lại (nếu là vật tư luân chuyển tại kho) khi nhận được phiếu xuất kho thủ kho xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cho đối tượng cần sử dụng và căn cứ vào thực xuất để ghi vào cột thực xuất trên phiếu xuất kho.

Khi xuất phải đúng đối tượng sử dụng, chữ ký xác nhận trong phiếu xuất kho phải là người có trách nhiệm với Giám đốc. Đồng thời các chứng từ của phiếu xuất kho phải đầy đủ theo quy định hiện hành.

VD3: Ngày 18 tháng 01 năm 2011, xuất 6 m³ đá khối vân xanh và 5 m³ đá slap phục vụ sản xuất sản phẩm.

Tổ sản xuất viết giấy đề nghị xuất vật tư trình lên ban kỹ thuật của công ty (Biểu số 2.8). Ban kỹ thuật xem xét tình hình quyết định xuất vật tư. Khi có quyết định xuất vật tư thủ kho tiến hành xuất vật tư (Biểu số 2.9)

Công ty áp dụng phương pháp Nhập trước - xuất trước để tính giá xuất kho vật tư. Trị giá xuất kho lô vật tư này được tính như sau:

Đá khối vân xanh:

Tồn kho ngày 05/01/2011: 3 m³ – đơn giá: 2.640.000đ/m³

Nhập kho ngày 10/01/2011: 5 m³ – đơn giá: 2.640.000đ/m³

Trị giá xuất kho ngày 18/01/2011 là: $3 \times 2.640.000 + 3 \times 2.640.000 = 15.840.000$

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Đá Slap:

Tồn kho ngày 01/01/2011: 2 m³ – đơn giá: 2.340.000đ/m³

Nhập kho ngày 10/01/2011: 10 m³ – đơn giá: 2.348.000đ/m³

Trị giá xuất kho ngày 18/01/2011 là: 2 x 2.340.000 + 3 x 2.348.000 = 11.724.000

Biểu số 2.8: Giấy đề nghị

**CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC
ĐÁ QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN
TỔ SẢN XUẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2011

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Ban kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm của công ty.

Kính đề nghị Trưởng ban kỹ thuật duyệt xuất một số vật tư sau:

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
01	Đá khối vân xanh	m ³	6	
02	Đá slap	m ³	5	

Giám đốc công ty
(Ký, họ tên)

Ban kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Tổ sản xuất
(Ký, họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.*

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho

CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ
QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN

Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên,
Hải Phòng

Mẫu số: 01-VT

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 18 tháng 01 năm 2011 Số: 22/01

Nợ TK 621:

Có TK 1521:

Họ và tên người nhận: Nguyễn Văn Hưng

Địa chỉ: Tổ sản xuất

Lý do xuất: sản xuất sản phẩm

STT	Tên quy cách sản phẩm hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
01	Đá khối vân xanh	m ³	3	3	2.640.000	7.920.000
			3	3	2.640.000	7.920.000
02	Đá slap	m ³	2	2	2.340.000	4.680.000
			3	3	2.348.000	7.044.000
						27.564.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn đồng chẵn.

Ngày 18 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

VD4: Ngày 19 tháng 01 năm 2011. Xuất 80 bộ quần áo bảo hộ cho công nhân phân xưởng sản xuất.

Tổ sản xuất viết giấy đề nghị xuất vật tư trình lên ban kỹ thuật của công ty (Biểu số 2.10). Ban kỹ thuật xem xét tình hình quyết định xuất vật tư. Khi có quyết định xuất vật tư thủ kho tiến hành xuất vật tư theo phiếu xuất số 23/01 (Biểu số 2.11)

Công ty áp dụng phương pháp Nhập trước - xuất trước để tính giá xuất kho vật tư. Trị giá xuất kho lô vật tư này được tính như sau:

Tồn ngày 01/01/2011: 10 bộ, đơn giá: 298.000đ/bộ

Nhập ngày 15/01/2011: 100 bộ, đơn giá: 310.000 đ/bộ

Trị giá xuất kho ngày 19 tháng 01 năm 2011 là:

$$10 \times 298.000 + 70 \times 310.000 = 24.680.000$$

Biểu số 2.10: Giấy đề nghị

**CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC
ĐÁ QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔ SẢN XUẤT

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2011

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Ban kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm của công ty.

Kính đề nghị Trưởng ban kỹ thuật duyệt xuất một số vật tư sau:

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
01	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	80	

Giám đốc công ty

(Ký, họ tên)

Ban kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Tổ sản xuất

(Ký, họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.*

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho

CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ
QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN

Mẫu số: 01-VT

Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên,
Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 01 năm 2011 Số: 23/01

Nợ TK 627:

Có TK 153:

Họ và tên người nhận: Nguyễn Văn Hưng

Địa chỉ: Tổ sản xuất

Lý do xuất: phục vụ sản xuất sản phẩm

STT	Tên quy cách sản phẩm hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
01	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	10	10	298.000	2.980.000
			70	70	310.000	21.700.000
	Cộng					24.680.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Ngày 19 tháng 1 năm 2011

Người lập
phiếu

Người nhận
hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.4 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.

Một trong những yêu cầu của công tác quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ đòi hỏi phải phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn cho từng nhóm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cả về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị. Bằng việc tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ công ty đã đáp ứng được yêu cầu này. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là việc hạch toán kết hợp giữa kho và phòng kế toán nhằm theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho cho từng thứ, từng nhóm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cả về số lượng, chất lượng, giá trị.

Để tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói chung và kế toán chi tiết nguyên vật liệu công cụ dụng cụ nói riêng, thì trước hết phải bằng phương pháp chứng từ kế toán để phản ánh tất cả các nghiệp vụ có liên quan đến nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Chứng từ kế toán là cơ sở để ghi sổ kế toán. Tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên chứng từ kế toán được sử dụng trong hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là:

Phiếu nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Phiếu xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Hoá đơn giá trị gia tăng

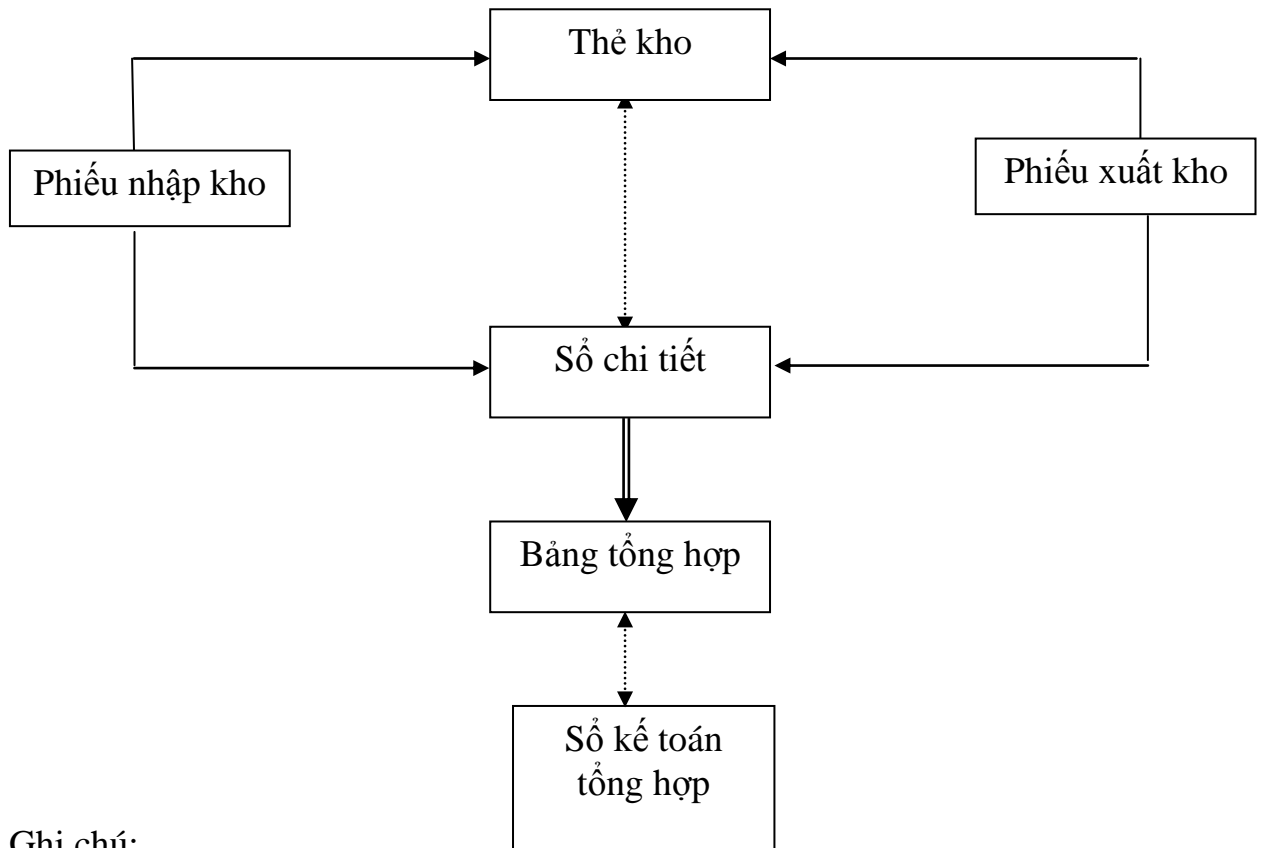
Sổ thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Kế toán chi tiết ở công ty sử dụng phương pháp thẻ song song.

Sau đây là trình tự luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song:

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.*



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

Nội dung tiến hành hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tiến hành như sau:

Tại kho:

Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép phản ánh hàng ngày nhập, xuất, tồn kho của từng thứ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong kho. Theo chỉ tiêu khối lượng mỗi thứ vật liệu, công cụ dụng cụ được theo dõi trên một thẻ kho để tiện cho việc theo dõi, quản lý và kiểm tra đối chiếu số liệu.

Sau khi tập hợp đầy đủ các chứng từ liên quan đến việc nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thủ kho tiến hành lập thẻ kho

Tại phòng kế toán

Hàng tuần nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, đồng thời ký xác nhận vào thẻ kho và nhận phiếu nhập kho, phiếu xuất kho về

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

phòng kế toán. Ở phòng kế toán, kế toán vật liệu kiểm tra chứng từ và hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu giá trị trên các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Đối với phiếu nhập kho kế toán căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng của người bán và một số chứng từ khác như hoá đơn vận chuyển, bốc xếp để tính ra đơn giá, thành tiền. Còn đối với phiếu xuất kho, để giúp tính ra đơn giá cho từng phiếu xuất được đơn giản kế toán sử dụng chỉ tiêu số lượng trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và từ sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra đơn giá xuất, tổng trị giá xuất của mỗi nguyên vật liệu xuất kho. Căn cứ vào đơn giá xuất trên sổ chi tiết nguyên vật liệu kế toán tính ra đơn giá, thành tiền trên phiếu xuất kho.

Để có thể quản lý chi tiết nguyên vật liệu cả về hiện vật lẫn giá trị, phòng kế toán của công ty đã sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu. Các sổ chi tiết này được mở cho từng thứ nguyên vật liệu. Cơ sở để ghi sổ là phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và các số liệu của kỳ trước.

Sau đây là một số ví dụ minh họa

Ví dụ: (Tiếp ví dụ 1)

Khi đã nhập kho, từ phiếu nhập kho số 09/01 (Biểu số 2.3) thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.12), đồng thời từ phiếu nhập kho kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 2.15). Cuối kỳ từ sổ chi tiết nguyên vật liệu kế toán vào bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu (Biểu số 2.17).

Ví dụ (Tiếp ví dụ 2)

Từ phiếu nhập kho số 20/01 (Biểu số 2.7) kế toán vào thẻ kho (Biểu số 2.13) đồng thời vào sổ chi tiết công cụ dụng cụ (Biểu số 2.16). Từ sổ chi tiết công cụ dụng cụ kế toán vào bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn công cụ dụng cụ (Biểu số 2.18)

Ví dụ (Tiếp ví dụ 3)

Từ phiếu xuất kho số 22/01 (Biểu số 2.9) thủ kho tiến hành vào thẻ kho (Biểu số 2.12), đồng thời từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 2.15). Từ sổ chi tiết nguyên vật liệu kế toán vào bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu (Biểu số 2.17)

Ví dụ (Tiếp ví dụ 4)

Từ phiếu xuất kho số 23/01 (Biểu số 2.11) thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.13) đồng thời kế toán vào sổ chi tiết công cụ dụng cụ (Biểu số 2.16). Từ sổ chi tiết công cụ dụng cụ kế toán vào bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn công cụ dụng cụ (Biểu số 2.18)

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.*

Biểu số 2.12

**CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ
QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN**

Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên,
Hải Phòng

Mẫu số: 01-VT

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

THẺ KHO (SỔ KHO)

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Đá khối vân xanh

Đơn vị tính: m³

Mã vật liệu: K01

S T T	Ngày tháng	Số hiệu		Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
		Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
1	01/01			Tồn đầu kỳ			5	
2	05/01		02	Xuất sản xuất sản phẩm		2	3	
3	10/01	09		Nhập kho đá khối vân xanh	5		8	
4	15/01	12		Nhập kho đá khô vân xanh	5		13	
5	18/01		22	Xuất đá sản xuất sản phẩm		6	7	
6	25/01	25		Nhập kho đá khô vân xanh	2		9	
7	31/01		39	Xuất đá khối sản xuất sản phẩm		5	4	
				Cộng phát sinh	12	13		
				Tồn cuối tháng 01			4	

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 1 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.*

Biểu số 2.13

CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ
QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN

Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên,

Hải Phòng

Mẫu số: 01-VT

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

THẺ KHO (SỔ KHO)

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Quần áo bảo hộ lao động

Đơn vị tính: bộ

Mã vật liệu:

S T T	Ngày tháng	Số hiệu		Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
		Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
	1/1			Tồn đầu kỳ			10	
1	15/1	20		Mua quần áo bảo hộ lao động	100		110	
2	19/1		23	Xuất quần áo bảo hộ lao động phục vụ sản xuất sản phẩm		80	30	
				Cộng phát sinh	100	80		
				Tồn cuối tháng 01			30	

Ngày 31 tháng 1 năm 2011

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Biểu 2.15:

**Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên
Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng**

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 01 năm 2011

Tài khoản: 152. Tên kho: Kho nguyên vật liệu - Tên quy cách: Đá khối vân xanh - (K01) - Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu kỳ		2.640.000					5	13.200.000
PX02	05/01	Xuất đá sản xuất sản phẩm	621	2.640.000			2	5.280.000	3	7.920.000
PN09	10/01	Nhập kho đá khối vân xanh	331	2.640.000	5	13.200.000			8	21.120.000
									
PX22	18/01	Xuất đá sản xuất sản phẩm	621	2.640.000			6	15.840.000	7	26.400.000
									
		Cộng			12	31.680.000	13	34.320.000		
		Tồn cuối kỳ							4	10.560.000

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Biểu 2.16:

Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên
Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 01 năm 2011

Tài khoản: 152. Tên kho: Kho công cụ dụng cụ - Tên quy cách: Quần áo bảo hộ lao động - Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu kỳ		298.000					10	2.980.000
PN20	15/01	Mua quần áo bảo hộ lao động	112	310.000	100	31.000.000			110	33.980.000
PX23	19/01	Xuất quần áo bảo hộ lao động	627	298.000			10	2.980.000	100	31.000.000
		Xuất quần áo bảo hộ lao động	627	310.000			70	21.700.000	30	9.300.000
		Cộng phát sinh			100	31.000.000	80	24.680.000		
		Tồn cuối kỳ							30	9.300.000

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Biểu 2.17:

Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên

Xóm Trung, Lưu kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Mẫu số S11-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 01 năm 2011

Tài khoản: 152

STT	Tên vật liệu	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
01	Đá khối vân xanh	5	13.200.000	12	31.680.000	13	34.320.000	4	10.560.000
02	Đá khối vân hồng	12	30.198.000	5	12.600.000	10	25.165.000	7	17.633.000
03	Đá slap	2	4.680.000	20	46.960.000	10	23.464.000	12	28.176.000
05	Đá Yên Bái	10	41.315.200	25	103.288.050	20	82.630.420	15	61.972.830
								
	Cộng		456.296.350		1.436.288.050		1.023.523.342		869.061.058

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2011
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Biểu 2.18:

Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên
Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số S11-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 01 năm 2011

Tài khoản: 153

STT	Tên vật liệu	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
01	Quần áo bảo hộ lao động	10	2.980.000	100	31.000.000	80	24.680.000	30	9.300.000
02	Máy xẻ đá	2	12.631.250	4	24.324.135	3	18.712.284	3	18.243.101
03	Máy tời đá	5	30.642.650	5	30.642.805	7	42.899.772	3	18.385.683
04	Giấy cuộn đá	50	48.006.000	20	20.220.000	35	33.604.200	35	34.675.800
								
	Cộng		153.854.950		256.125.255		238.628.753		171.351.452

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.5 Kế toán tổng hợp nhập, xuất kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Thước đo tiền tệ là thước đo chủ yếu kế toán sử dụng và nói tới hạch toán là nói tới số liệu có, tình hình biến động toàn bộ tài sản của công ty theo chỉ tiêu giá trị. Kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ chưa đảm bảo đáp ứng được yêu cầu này mà chỉ bằng kế toán tổng hợp có thể ghi chép, phản ánh các đối tượng kế toán theo chỉ tiêu giá trị trên các tài khoản sổ kế toán tổng hợp mới đáp ứng được yêu cầu đó.

Vậy kế toán tổng hợp là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh, kiểm tra và giám sát các đối tượng kế toán có nội dung kinh tế ở các dạng tổng quát. Do đặc điểm vật liệu, công cụ dụng cụ ở công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên tương đối đa dạng và phong phú nên công ty đã sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Công ty sử dụng tài khoản 152, 153 để phản ánh quá trình nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Ngoài ra công ty còn sử dụng một số tài khoản: tài khoản 331, tài khoản 411, tài khoản 111, tài khoản 112, tài khoản 621, tài khoản 627.

2.2.5.1 Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Mỗi khi công ty có nhu cầu mua vật tư, đơn vị bán sẽ gửi bảng báo giá đến trước. Căn cứ vào bảng báo giá này công ty sẽ có kế hoạch chuẩn bị tiền mặt để trả tiền ứng trước, tùy thuộc vào khả năng của công ty. Nếu trả sau hoặc đồng thời thì căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng để thanh toán.

Công ty không hạch toán thuế giá trị gia tăng, kế toán phản ánh giá trị nhập nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo giá thực tế, bao gồm giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng đầu vào, chi phí khác liên quan đến vật liệu mua. Tùy theo từng trường hợp mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ khác nhau mà kế toán kế toán có sự ghi chép số liệu, xử lý số liệu, luân chuyển chứng từ, sắp xếp sổ sách kế toán phù hợp một cách thống nhất liên hoàn nhịp nhàng.

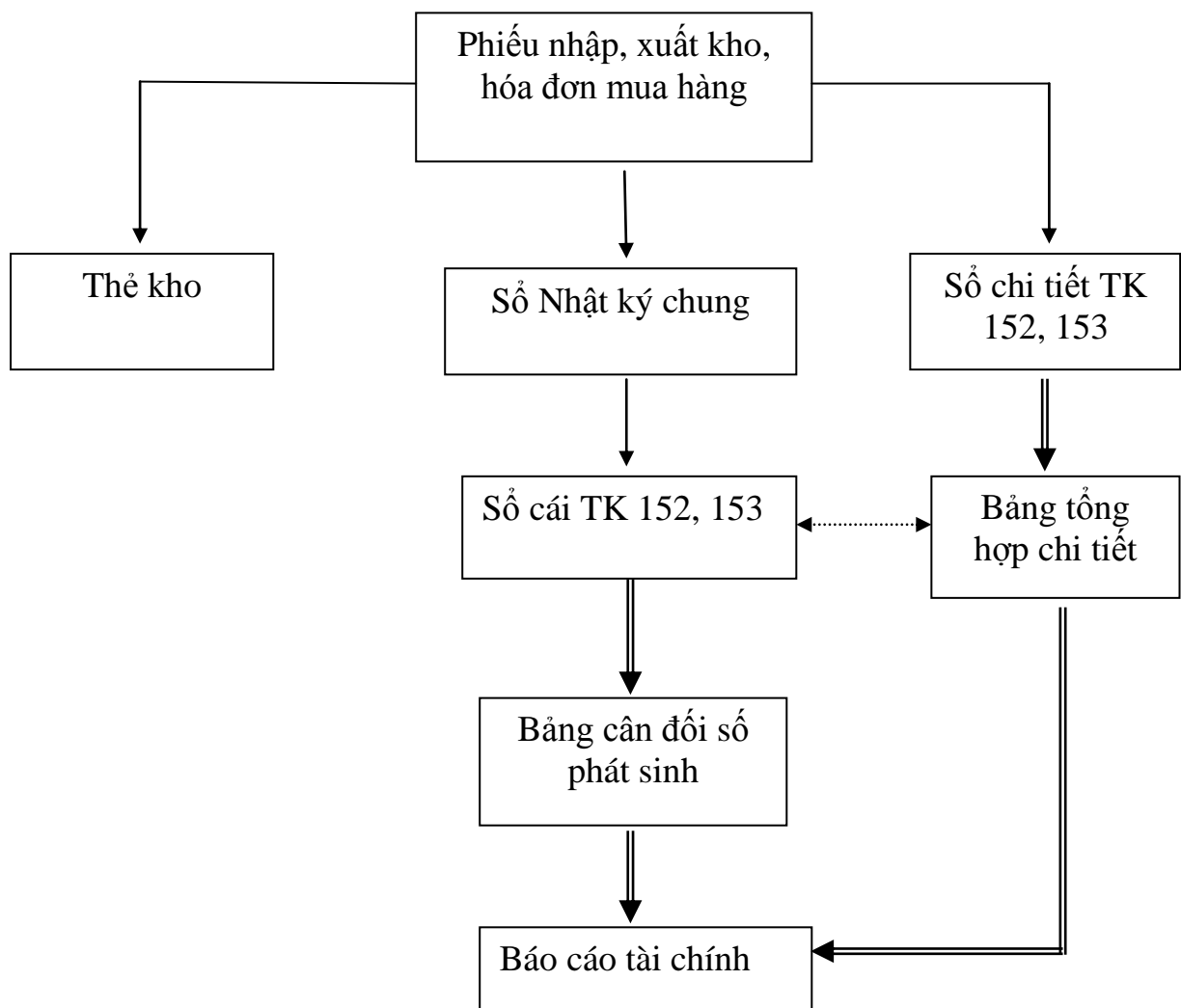
Để theo dõi quan hệ thanh toán với những người bán công ty sử dụng sổ chi tiết thanh toán với người bán - TK 331: “Phải trả người bán”. Đây là sổ dùng để theo dõi chi tiết các nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và quá trình thanh toán với từng người bán của công ty.

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Căn cứ vào các chứng từ gốc nhập vật liệu, công cụ dụng cụ ở phần kế toán chi tiết và các chứng từ gốc trong tháng 1, kế toán tiến hành định khoản một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu phát sinh trong quá trình nhập kho nguyên vật liệu và quá trình thanh toán với người bán.

Sau đây là sơ đồ quy trình hạch toán hàng tồn kho tại công ty liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH HẠCH TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Trường hợp công ty nhập kho nhưng chưa thanh toán với người bán

VD: Ngày 10 tháng 1 năm 2011, mua 5m³ đá khối vân xanh, 10m³ đá slap nhập kho, đơn giá chưa thuế GTGT của đá khối vân xanh: 2.640.000 đ/m³, đơn giá chưa thuế của đá slap: 2.348.000 đ/m³. Chi phí vận chuyển bốc dỡ do bên bán chịu, thuế GTGT 10%, doanh nghiệp chưa thanh toán tiền hàng.

Căn cứ hoá đơn GTGT số 0000185 (Biểu số 2.1) và các chứng từ có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ kinh tế vừa phát sinh. Từ định khoản trên kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.19)

Từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.20) và các sổ cái khác có liên quan.

Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

Nợ TK 152: 36.680.000

Nợ TK 133: 3.668.000

Có TK 331: 40.348.000

Trường hợp kế toán tạm ứng tiền cho nhân viên tiếp liệu để mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ không được hạch toán vào tài khoản 141 mà kế toán vẫn viết phiếu chi tiền mặt nhưng cho đến khi nào nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của nhân viên tiếp liệu mua về sẽ hạch toán như trường hợp công ty mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thanh toán trực tiếp.

Trong tháng căn cứ vào hoá đơn của đơn vị bán gửi đến và phiếu nhập kho, kế toán tiến hành phân loại và sắp xếp theo từng người bán sau đó kế toán ghi vào các cột phù hợp trên sổ chi tiết 331 theo các định khoản trên.

Cuối tháng kế toán tiến hành cộng sổ chi tiết tài khoản 331 theo từng người bán, số liệu ở sổ chi tiết 331 là cơ sở để ghi vào sổ nhật ký chung tháng 01/2011

Số dư cuối tháng ở sổ chi tiết bằng số dư đầu tháng cộng với số phải thanh toán trừ đi số đã thanh toán.

2.2.5.2 Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Ở công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được xuất kho chủ yếu để sản xuất sản phẩm đáp ứng được tiến độ của hợp đồng đã kí với khách hàng. Bởi vậy kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải phản ánh kịp thời, đảm bảo chính xác các chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong toàn bộ chi phí sản xuất.

Kế toán xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất

Khi tiến hành xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ căn cứ vào số lượng vật tư yêu cầu được tính toán theo định mức sử dụng phòng kinh doanh lập phiếu xuất vật liệu, thủ kho căn cứ vào quyết định xuất để xuất vật liệu.

Sau khi xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ phiếu xuất kho được chuyển cho kế toán giữ và ghi vào sổ Nhật kí chung. Căn cứ vào số thực xuất ghi trong phiếu xuất kho và giá bán đơn vị của vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng.

VD: Ngày 18 tháng 01 năm 2011, xuất 6 m³ đá khối vân xanh và 5 m³ đá slap phục vụ sản xuất sản phẩm.

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 22/01 (Biểu số 2.9) kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.19)

Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.20) và sổ cái các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Nghiệp vụ kinh tế trên được kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 621: 27.564.000

Có TK 152: 27.564.000

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Biểu số 2.19:

**Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế
Thủy Nguyên
Xóm Trung, Lưu Kiếm, TN, HP**

**Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 152006/QĐ-BTC
của Bộ trưởng BTC)**

**NHẬT KÝ CHUNG
(Trích tháng 1 năm 2011)**

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
						
10/1	0000185	10/1	Nhập đá khô và đá slap	152		36.680.000	
	PN09/01			133		3.668.000	
					331		40.348.000
15/1	0000131	15/1	Mua quần áo bảo hộ lao động	153		31.000.000	
	PN20/01			133		3.100.000	
					112		34.100.000
						
18/1	PX 22	18/1	Xuất đá khối SXSP	621	152	27.564.000	27.564.000
19/1	PX 23	19/1	Xuất quần áo bảo hộ lao	627	153	24.680.000	24.680.000
28/1	0000132	28/1	Mua keo dính đá respoxy A	152		23.910.250	
	PN 31/01			133		2.391.025	
					111		26.301.275
28/1	NH06/01	28/1	Trả tiền mua đá khối	331	112	40.348.000	40.348.000
31/1	PX 39	31/1	Xuất đá khối sxsp	621	152	22.594.000	22.594.000
						
			Cộng phát sinh			2.693.524.630	2.693.524.630

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Biểu số 2.20:

**Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế
Thủy Nguyên**

Mẫu: S03b-DN

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
của Bộ trưởng BTC)*

Xóm Trung, Lưu Kiếm, TN, HP

SỔ CÁI

Số hiệu: 152 - Tên TK: Nguyên vật liệu

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		456.296.350	
					
10/1	PN09	10/1	Nhập kho đá khối, slap	331	36.680.000	
18/1	PX 03	18/1	xuất đá khối sxsp	621		27.564.000
					
28/1	PN31	28/1	Mua keo dính đá	112	23.910.250	
31/1	PX39	31/1	Xuất đá khô sxsp	621		22.594.000
			Cộng phát sinh		1.436.288.050	1.023.523.342
			Tồn cuối kỳ		869.061.058	

**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.**

Biểu số 2.21:

**Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc
tế Thủy Nguyên**
Xóm Trung, Lưu Kiếm, TN, HP

Mẫu: S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-
BTC của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Công cụ dụng cụ
Số hiệu: 153
Năm 2011
Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu		153.854.950	
			Phát sinh			
15/1	PN20	15/1	Mua quần áo bảo hộ lao động	112	31.000.000	
19/1	PX23	19/1	Xuất quần áo bảo hộ lao động	627		24.680.000
25/1	PN28	25/1	Mua máy tời đá	112	30.642.805	
					
			Cộng phát sinh		256.125.255	238.628.753
			Tồn cuối		171.351.452	

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TÁC ĐÁ QUỐC TẾ THỦY NGUYÊN

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên

3.1.1 Ưu điểm

Cùng với sự phát triển của công ty, tập thể ban lãnh đạo công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng của công tác quản lý như: áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, đem lại lợi ích tối đa cho công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong công ty và đóng góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

➤ Về bộ máy kế toán nói chung

Bộ máy kế toán công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng tài chính - kế toán các nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác quản lý nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Hơn thế nữa, một yếu tố khác không kém phần quan trọng là trang thiết bị phục vụ cho công việc kế toán khá đầy đủ và hiện đại. Mỗi một nhân viên được trang bị một máy tính có nối mạng internet để dễ dàng chia sẻ và tổng hợp số liệu.

➤ Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là công ty liên doanh chế tác đá quốc tế Thủy Nguyên, bởi

nó có ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty, đến sự tồn tại của công ty trong việc cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy, việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là kế toán nguyên vật liệu được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm. Công tác thu mua nguyên vật liệu luôn được đảm bảo về mặt chất lượng, số lượng, đáp ứng ngay khi có yêu cầu, góp phần đảm bảo tiến độ theo hợp đồng

- Về chứng từ sổ sách kế toán áp dụng

Chứng từ kế toán

Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu mua hàng, bán hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương liên tục.

Về hệ thống tài khoản sử dụng

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

Về tổ chức sổ sách kế toán

Hình thức Nhật ký chung tương đối phù hợp với doanh nghiệp vì các nghiệp vụ phát sinh trong năm không quá nhiều.

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đều đúng theo mẫu của bộ tài chính mới ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ tài chính với đầy đủ các yếu tố cần thiết. Các chứng từ được phân loại rõ ràng theo hệ thống, việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng, kịp thời.

➤ Về tổ chức kế toán nguyên vật liệu

Công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho mà đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Phương pháp này đã giúp công ty quản lý, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu, chính xác, kịp thời là một lựa chọn đúng đắn của công ty.

Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại công ty được tính toán chi tiết cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu, nên việc cung cấp nguyên vật liệu cho từng công trình được thực hiện rất nhanh chóng khi có yêu cầu.

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại công ty đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của công ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm giúp nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời nhằm đảm bảo tối đa hoá lợi nhuận cho công ty.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực trong công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, công ty vẫn còn một số điểm hạn chế như sau:

Kế toán tài chính

➤ Về việc phân loại nguyên vật liệu

Số lượng nguyên vật liệu trong công ty tương đối đa dạng, bao gồm nhiều loại. Mỗi loại đều có những tính chất, đặc điểm, công dụng khác nhau. Do đó, việc phân loại vật liệu một cách khoa học là rất cần thiết. Tuy nhiên công việc này trong công ty chưa đạt được những hiệu quả như yêu cầu. Do công ty chưa lập sổ danh điểm vật tư để sắp xếp các loại vật liệu, công cụ dụng cụ dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý.

➤ Về việc tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh của công ty, nhưng do khối lượng sổ sách kế toán nhiều mà lại làm trên excel nên cuối quý, cuối năm công việc lớn khó tránh khỏi việc dẫn đến sai sót.

➤ Về việc đào tạo cán bộ sử dụng máy vi tính

Trong đội ngũ cán bộ vẫn còn tồn tại số ít những người còn hạn chế về năng lực chuyên môn nghiệp vụ, còn thụ động trong công việc, chưa đáp ứng được và theo kịp yêu cầu đổi mới của công ty.

Kế toán quản trị

Trong công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu công ty vẫn chưa xây dựng được định mức dự trữ nguyên vật liệu thường dùng để đảm bảo cho hoạt động sản xuất không bị ngừng trệ.

3.1.3 Phương hướng, nhiệm vụ phát triển của công ty trong thời gian tới

Trong thời gian sắp tới công ty sẽ tiếp tục phát huy những điểm mạnh và khắc phục một số điểm yếu nhằm hoàn thiện bộ máy kế toán nói riêng và bộ máy tổ chức toàn công ty nói chung. Cụ thể là:

Công ty tiếp tục phát triển theo định hướng chung của xã hội. Hoạch định cụ thể các chiến lược kinh doanh, chiến lược nguồn nhân lực, chiến lược tài chính và chiến lược thương hiệu.

Đa dạng hóa lĩnh vực và thị trường kinh doanh. Công ty sẽ vẫn tiếp tục phát triển những mặt hàng truyền thống tại công ty nhưng sẽ cải tiến mẫu mã và tạo ra một số sản phẩm mới với mẫu mã mới mẻ, đẹp mắt để đáp ứng được thị hiếu của khách hàng. Ngoài ra Công ty cũng sẽ mở rộng sang một số thị trường mới nhằm tạo thương hiệu và tăng số lượng hàng tiêu thụ, tăng lợi nhuận cho công ty.

Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức sản xuất sản phẩm, tạo điều kiện cho công nhân tại phân xưởng đi học lớp đào tạo nâng cao tay nghề do chuyên gia người nước ngoài hướng dẫn để có thể tạo ra những sản phẩm với chất lượng tốt nhất.

Nâng cấp và thay thế một số trang thiết bị cần thiết để phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm được đảm bảo.

Đồng thời công ty cũng sẽ quan tâm nhiều hơn đến chiến lược marketing nghĩa là lập kế hoạch marketing phù hợp, cân đối và hợp nhất chiến lược sản phẩm của công ty, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối và chiến lược quảng cáo. Chiến lược marketing là sự cần thiết của công ty nhằm mục đích bước vào thị trường xác định và để người tiêu dùng biết đến sản phẩm của công ty nhiều hơn.

Trong thời gian tới công ty sẽ vẫn tiếp tục duy trì và nâng tầm đối tác. Cụ thể đối với những đối tác, những khách hàng, những nhà cung cấp lâu năm, gắn bó với công ty thì sẽ có những sự ưu ái đặc biệt như giảm giá, tặng quà ngày lễ.

Đối với mảng tài chính của công ty, trong thời gian sắp tới sẽ sử dụng phần mềm cho việc hạch toán nhằm giảm thiểu khối lượng cho phòng kế toán và thuận lợi hơn trong việc kiểm tra. Ngoài ra, sử dụng phần mềm và tạo danh mục hàng hóa, danh mục khách hàng, danh mục nhà cung cấp sẽ giúp cho bộ phận kế toán dễ dàng theo dõi công nợ và tình trạng hàng tồn kho.

Hoạch định kế hoạch cụ thể nhằm tiết kiệm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hạ giá thành sản phẩm.

3.2 Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu.

Trong nền kinh tế thị trường, khi xu thế cạnh tranh ngày càng mạnh giữa các doanh nghiệp thì giá cả là một yếu tố quan trọng quyết định tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, hạch toán kế toán nguyên vật liệu đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành được phản ánh chân thực. Trên cơ sở đó các nhà quản lý phân tích và tìm cách tiết kiệm nguyên vật liệu để giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Trong những năm qua, mặc dù doanh nghiệp luôn không ngừng nỗ lực phấn đấu để đạt hiệu quả cao nhất trong công tác quản lý và công tác tổ chức sản xuất nhưng vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục. Do đó việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp là vô cùng cần thiết.

3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện

Hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng là một trong những vấn đề hết sức phức tạp, vừa có ý nghĩa lý luận vừa có ý nghĩa thực tiễn trong công tác quản lý nói chung và trong công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng. Vì vậy để đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên dựa trên các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc khả thi: nguyên tắc này đảm bảo doanh nghiệp có thể thực hiện được và tuân thủ các quy định, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Nguyên tắc hiệu quả: chi phí bỏ ra để thực hiện giải pháp hoàn thiện phải mang lại hiệu quả tốt hơn khi chưa bỏ ra chi phí.

3.2.3 Yêu cầu hoàn thiện

Kế toán trong doanh nghiệp nói chung mà cụ thể ở đây là kế toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực của doanh nghiệp trong quản lý sản xuất kinh doanh nói chung nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên công việc kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty trong từng giai đoạn và theo những chính sách chế độ quản lý kinh tế tài chính mới của nhà nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung.

Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...) để đảm bảo sự phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả công tác kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ, chuẩn mực của nhà nước.

Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kinh tế của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... trong việc ký kết các hợp đồng đầu thầu lớn, thực hiện các khoản vay, các dự án lớn... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán nguyên vật liệu cũng như các phần hành kế toán khác chỉ là một bộ phận trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau, không thể thiếu một bộ phận kế toán nào. Vì vậy bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém sẽ đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động xấu tới cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán vật liệu mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.3 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Qua thời gian thực tập tại công ty, tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của công ty cũng như tổ chức công tác kế toán em có một số biện pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty. Dưới đây là một số biện pháp em xin đề xuất:

Biện pháp 1: Lập sổ danh điểm vật liệu, công cụ dụng cụ

Hiện nay chủng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty tương đối đa dạng nên việc kiểm tra đối chiếu hạch toán, tính giá nguyên vật liệu gặp nhiều khó khăn. Vì vậy để thuận lợi hơn trong việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại vật liệu một cách hệ thống, khoa học thì theo em công ty nên xây dựng hệ thống danh điểm nguyên vật liệu. Sổ danh điểm vật liệu là sổ danh mục tập hợp tài liệu các loại nguyên vật liệu mà công ty đã và đang sử dụng. Trong sổ danh điểm vật liệu được theo dõi từng loại, từng nhóm quy cách nguyên vật liệu một cách chặt chẽ sẽ giúp cho công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu ở công ty được thống nhất.

Sổ này thống nhất về tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, quy cách, đơn vị tính của từng thứ nguyên vật liệu. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu, mẫu sổ danh điểm vật tư sau (Biểu số 3.1):

Biểu số 3.1:

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Ký hiệu nhóm		Tên vật tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm				
Nguyên vật liệu chính					
1521-01	1521-01-01	Đá khối vân xanh	M ³		
	1521-01-02	Đá khối vân hồng	M ³		
			
1521-02	1521-02-01	Đá hoa cương	M ³		
1521-03	1521-03-01	Đá Yên Bái	M ³		
Nguyên vật liệu phụ					
1522-01	1522-01-01	Keo Epoxy resin A	Thùng		
	1522-02-02	Keo Epoxy resin B	Thùng		
1522-02	1522-02-01	Vải lót	M ²		
1522-03	1522-02-01	Tấm dính đá plastic	Cuộn		
			
Nhiên liệu					
1523-01	1523-01-01	Xăng	lít		
			

Biên pháp 2: Hoàn thiện công tác kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Kiểm kê nguyên vật liệu là công việc cần thiết để bảo vệ an toàn cho nguyên vật liệu và phát hiện kịp thời những sai sót và vi phạm trong quản lý sử dụng vật liệu.

Tuy nhiên ở công ty, việc kiểm kê nguyên vật liệu chưa được diễn ra thường xuyên. Vì vậy công tác kiểm kê nguyên vật liệu phải được tiến hành định kỳ, ít

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

nhất một năm hai lần để kịp thời phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số tồn kho thực tế và số tồn kho trên sổ sách.

Trước khi tiến hành kiểm kê nguyên vật liệu công ty cần lập hội đồng kiểm kê nguyên vật liệu gồm: nhân viên phòng vật tư và kế toán vật tư. Khi tiến hành kiểm kê phải thực hiện cân đo, đong đếm nguyên vật liệu bằng các dụng cụ và phương tiện thích hợp nhằm xác định được số lượng tồn kho của từng loại nguyên vật liệu, đánh giá lại giá trị trên sổ sách kế toán và số liệu trên thực tế.

Kết thúc quá trình kiểm kê, trưởng ban kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa, xác định số chênh lệch thừa hoặc thiếu so với sổ sách và tìm nguyên nhân dẫn tới sự chênh lệch đó. Biên bản kiểm kê sẽ làm căn cứ để kế toán hạch toán kết quả kiểm kê.

Mẫu biên bản kiểm kê vật liệu (Biểu số 3.2)

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.*

Biểu số 3.2:

Đơn vị:

Mẫu số: 05 - VT

Bộ phận

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Thời điểm kiểm kê...giờ...ngày...tháng...năm...

Ban kiểm kê gồm:

Ông/Bà Chức vụ Đại diện Trưởng ban

Ông/Bà Chức vụ Đại diện Ủy viên

Ông/Bà Chức vụ Đại diện Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

ST T	Tên nhãn hiệu quy cách nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Đơn Giá	Theo số kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Chất lượng		
					SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									SL	TT	SL	TT			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...
Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

Biện pháp 3: Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán tại công ty

Hiện nay, công nghệ tin học phát triển không ngừng, tạo ra những ưu việt trong công tác quản lý, kế toán. Nhiều doanh nghiệp hiện nay cũng đã mạnh dạn đầu tư nhằm tin học hoá công tác quản lý, kế toán, cho phép nâng cao hiệu quả quản lý đồng thời tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Áp dụng phần mềm kế toán sẽ giảm thiểu khối lượng công việc, tránh được tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tổ chức công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao trong công tác kế toán. Hơn nữa việc áp dụng phần mềm kế toán phải áp dụng cho tất cả các phần hành kế toán để tạo ra sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép và các tính năng của phần mềm được phát huy hết tác dụng.

Trên thị trường các công ty công nghệ thông tin đang xây dựng rất nhiều các phần mềm kế toán áp dụng theo nhiều hình thức kế toán khác nhau. Vì vậy, công ty cũng nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với công tác kế toán của mình như: phần mềm kế toán INNOVA 6.8 của công ty cổ phần SIS Việt Nam, phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán CNS....sao cho phần mềm kế toán tiện ích, dễ sử dụng mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp cho kế toán viên thu thập và lưu trữ được sổ sách chứng từ tốt hơn, đặc biệt giúp cho các nhà quản trị tiện trong việc theo dõi các thông tin kinh tế một cách kịp thời, chính xác.

Để chuẩn bị cho việc áp dụng phần mềm kế toán, công ty nên có kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng tin học cho cán bộ kế toán. Điều này sẽ giúp cho việc làm kế toán trên máy được dễ dàng hơn.

Biện pháp 4: Hoàn thiện về luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho lên đến phòng tài chính - kế toán để xử lý chứng từ chậm trễ, gây nhiều khó khăn và ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán khiến nhân viên kế toán phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

chứng từ nhất định trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn, có thể quy định đến ngày nhất định các phòng ban, kho phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán – tài chính để phòng kế toán – tài chính xử lý kịp thời và chính xác.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên giao nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu mất chứng từ thì sẽ có thể dễ dàng quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận và có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ trong công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên trong công ty đối với công việc.

Ví dụ: Tình hình nguyên vật liệu tại kho vật liệu trong tháng 01/2011 của công ty như sau:

Khi nhập, xuất kho nguyên vật liệu thủ kho tiến hành viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho đồng thời chuyển lên phòng kế toán. Khi giao các chứng từ này cho kế toán nguyên vật liệu, kế toán viên phải ký vào sổ giao nhận chứng từ của công ty (Biểu số 3.3)

Biểu số 3.3:

Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên

Xóm Trung, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng 01 năm 2011

Chứng từ		Nội dung	Nơi nhận chứng từ	Người nhận	Ký tên
Ngày	Số				
05/01	PX02/01	Xuất đá khối sản xuất sản phẩm	Phòng kế toán	Nguyễn Thị Lan	
				
10/01	PN09/01	Nhập kho đá khối vân xanh	Phòng kế toán	Nguyễn Thị Lan	
				
15/01	PN20/01	Nhập kho quần áo bảo hộ lao động	Phòng kế toán	Nguyễn Thị Lan	
				
19/01	PX23/01	Xuất quần áo bảo hộ lao động	Phòng kế toán	Nguyễn Thị Lan	
				
28/01	PN31/01	Mua keo dính đá respoxy A	Phòng kế toán	Nguyễn Thị Lan	
				

Biện pháp 5: Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên phòng kế toán

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường, tận dụng các yếu tố khách quan thì công ty cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự.

***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
tại Công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.***

Song song với việc quản lý tốt nhân sự thì công ty cũng phải nên quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên của mình được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Riêng đối với nhân viên kế toán, công ty nên:

Tạo điều kiện cho họ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhân viên kế toán cần tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ, kinh nghiệm, hiểu biết.

Thường xuyên hướng dẫn, chỉ đạo nhân viên kế toán cập nhật và thực hành kế toán theo đúng chuẩn mực và các thông tư, quy định do nhà nước ban hành về những thay đổi trong hạch toán kế toán để phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Thường xuyên động viên, khuyến khích các nhân viên tích cực và có trách nhiệm hơn với công việc của mình, có chế độ thưởng phạt phân minh.

Các nhân viên kế toán phải thường xuyên trao đổi với nhau để thống nhất trong công việc đồng thời có thể học hỏi kinh nghiệm để thực hiện công việc một cách khoa học và chính xác hơn.

Biên pháp 6: Cần quan tâm và chú trọng tới công tác kế toán quản trị nguyên vật liệu – Công cụ dụng cụ

Trong hoạt động kinh doanh có nhiều vấn đề tài chính nảy sinh đòi hỏi Ban lãnh đạo doanh nghiệp phải đưa ra được những quyết định tài chính đúng đắn và tổ chức thực hiện các quyết định ấy một cách kịp thời khoa học, có như vậy doanh nghiệp mới đứng vững và phát triển.

Kế toán quản trị trong kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sẽ giúp nhà quản trị (ban lãnh đạo công ty) đưa các quyết định đúng đắn và kịp thời về việc mua sắm vật tư, công cụ dụng cụ dự trữ phục vụ cho sản xuất, việc huy động các nguồn vốn ngắn hạn, việc thanh toán, chi trả hoặc thu hồi các khoản nợ đến hạn.

Nhân viên kế toán quản trị nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ cần phải có hiểu biết về:

- ✓ Hệ thống luật pháp, chính sách tài chính, kế toán nói chung.
- ✓ Định chế, quy chế tài chính nội bộ

- ✓ Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Đồng thời kế toán quản trị phải thực hiện các chức năng nhiệm vụ sau:

- ✓ Lập kế hoạch tổ chức và thực hiện
- ✓ Kiểm tra đánh giá
- ✓ Dự toán về hoạt động, tình hình tài chính để giúp nhà quản trị đưa ra các quyết định phù hợp, hiệu quả.

Khi ban lãnh đạo công ty có nhu cầu, kế toán quản trị nắm bắt nhu cầu thông tin quản trị tiến hành thu thập, phân tích, định tính, định lượng rồi đưa ra Báo cáo chỉ tiêu quản trị cho ban lãnh đạo.

KẾT LUẬN

Cũng như bao công ty khác, công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên đã luôn không ngừng cố gắng nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguyên vật liệu. Có như vậy mới phù hợp với xu thế của thị trường.

Khóa luận: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên” đã phản ánh được những vấn đề cơ bản sau:

Về mặt lý luận: đã nêu được những vấn đề lý luận then chốt, cơ bản của nguyên vật liệu, tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu.

Về mặt thực tế: đã phản ánh được công tác tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế Thủy Nguyên.

Sau khi xem xét, đánh giá, đi sâu nghiên cứu, phân tích em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.

Do thời gian và trình độ có hạn nên khóa luận của em không tránh khỏi sai sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô và các bạn để khóa luận này được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Ths. Nguyễn Thị Mỹ cùng sự giúp đỡ, chỉ bảo của ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên phòng tài chính kế toán công ty Liên doanh chế tác đá Quốc tế thủy Nguyên đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài viết này.

Hải Phòng, ngày 02 tháng 7 năm 2012

Sinh viên